



CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 215 /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2026

**NGHỊ ĐỊNH
Về an ninh hàng không**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống khủng bố số 28/2013/QH13;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định về an ninh hàng không.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15, gồm Điều 8, Điều 11, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 96, Điều 97, Điều 98, điểm i khoản 1 Điều 99, Điều 101, khoản 2 Điều 103.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Bảo đảm an ninh hàng không là nhiệm vụ quan trọng của Nhà nước, Chính phủ và ngành hàng không dân dụng Việt Nam nhằm bảo vệ tính mạng của con người, tài sản trong hoạt động hàng không dân dụng; bảo vệ tàu bay và công trình, trang bị, thiết bị tại cảng hàng không; đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội tại các địa bàn hoạt động hàng không dân dụng.

2. Bảo đảm tuyệt đối an ninh đối với chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang.
3. Các quy trình an ninh hàng không được áp dụng phải bảo đảm an ninh tối đa cho mọi hoạt động hàng không dân dụng, chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động vận chuyển hàng không và phù hợp với các điều ước quốc tế về hàng không dân dụng mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
4. Công tác bảo đảm an ninh hàng không là trách nhiệm của tất cả các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng, trong đó lực lượng Công an giữ vai trò nòng cốt.
5. Các sự cố, hành vi vi phạm quy định về an ninh hàng không phải được xử lý, báo cáo kịp thời, đầy đủ và được nghiên cứu, thống kê, phân tích, rút kinh nghiệm, giảng bình để khắc phục những sơ hở, thiếu sót.
6. Tuân thủ luật pháp Việt Nam và luật pháp quốc tế. Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.
7. Hoạt động bảo đảm an ninh hàng không phải gắn với yêu cầu tạo thuận lợi, bảo đảm duy trì hoạt động khai thác hàng không an toàn, liên tục và hiệu quả.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Chuyến bay chuyên cơ là chuyến bay sử dụng tàu bay riêng biệt chở một trong các lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước; người đứng đầu nhà nước, cơ quan lập pháp, chính phủ các quốc gia, vùng lãnh thổ quy định tại khoản 1 Điều 45 của Nghị định này và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo theo quy định.
2. Chuyến bay chuyên khoang (toàn bộ hoặc một phần) là chuyến bay vận tải hàng không thương mại được các cơ quan có thẩm quyền mua vé, xác nhận chỗ cho một trong các lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước; người đứng đầu nhà nước, cơ quan lập pháp, chính phủ các quốc gia, vùng lãnh thổ quy định tại khoản 1 Điều 45 của Nghị định này và thông báo theo quy định.
3. Chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam là chuyến bay do hãng hàng không của Việt Nam hoặc do đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện chở một trong các lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước; người đứng đầu nhà nước, cơ quan lập pháp, chính phủ các quốc gia, vùng lãnh thổ quy định tại khoản 1 Điều 45 của Nghị định này và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo theo quy định.

4. Chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài là chuyến bay do hãng hàng không nước ngoài thực hiện hoặc do các cơ quan, tổ chức khác của nước ngoài sử dụng tàu bay riêng biệt thực hiện chở người đứng đầu nhà nước, cơ quan lập pháp, chính phủ các quốc gia, vùng lãnh thổ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 45 của Nghị định này bay đến, bay đi, bay trong vùng trời Việt Nam, vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo theo quy định.

5. Giám sát an ninh thường xuyên là việc sử dụng riêng lẻ hoặc kết hợp con người, động vật, trang bị, thiết bị kỹ thuật để quản lý, theo dõi nhằm phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm về an ninh hàng không.

6. Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không là tài liệu xác nhận phương tiện được phép vào và hoạt động trong khu vực hạn chế liên quan của cảng hàng không.

7. Giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ là tài liệu xác nhận phương tiện được phép vào, hoạt động trong khu vực hạn chế riêng của đơn vị, doanh nghiệp tại cảng hàng không và nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không.

8. Hành lý không xác định được chủ sở hữu là hành lý không có thông tin chủ sở hữu; nằm tại sân bay, có hoặc không có thẻ hành lý, không được bất cứ hành khách hoặc thành viên tổ bay nào nhận hoặc thông tin về chủ sở hữu.

9. Hành khách gây rối là hành khách không chấp hành các quy định về ứng xử tại cảng hàng không hoặc trên tàu bay, không tuân thủ hướng dẫn của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không hoặc nhân viên hàng không hoặc tổ bay, từ đó làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự và kỷ luật tại cảng hàng không hoặc trên tàu bay.

10. Hộ tổng an ninh hàng không là việc cử người của tổ chức, đơn vị đáp ứng các điều kiện nhất định để quản lý, hướng dẫn một người hoặc nhiều người vào, hoạt động trong khu vực hạn chế cảng hàng không nhằm ngăn chặn các hành vi, dấu hiệu vi phạm an ninh hàng không.

11. Khu vực công cộng của cảng hàng không là các khu vực mà hành khách đi tàu bay, phương tiện, người đón, tiễn, gửi, nhận hàng hóa, bưu gửi có thể ra, vào, hoạt động và chịu sự giám sát an ninh hàng không hoặc kiểm tra an ninh hàng không nhưng chưa qua soi chiếu an ninh hàng không. Việc xác định cụ thể các khu vực công cộng sẽ do nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam và các tổ chức cung cấp dịch vụ hàng không xác định thông qua cơ chế quản lý rủi ro an ninh hàng không trong Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam.

12. Kiểm tra an ninh hàng không là sử dụng riêng lẻ hoặc kết hợp các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không nhằm phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm về an ninh hàng không.

13. Kiểm tra an ninh tàu bay là việc kiểm tra bên trong tàu bay các nơi hành khách đã tiếp cận và khoang chứa hàng nhằm mục đích phát hiện các vật khả nghi, vũ khí, chất nổ hoặc các thiết bị, vật phẩm và chất nguy hiểm khác.

14. Kiểm tra lý lịch là việc kiểm tra danh tính và lịch sử trước đây của một người, gồm tiền án tiền sự và bất kỳ thông tin nào về an ninh có liên quan để đánh giá sự phù hợp của người đó theo quy định của pháp luật.

15. Lực soát an ninh hàng không là việc kiểm tra chi tiết từng đồ vật, vị trí của đối tượng, người bị lực soát nhằm phát hiện, ngăn chặn vũ khí, chất nổ hoặc thiết bị, vật phẩm nguy hiểm khác để loại trừ yếu tố gây uy hiếp an ninh hàng không. Việc lực soát an ninh hàng không do người có thẩm quyền quyết định.

16. Lực soát an ninh tàu bay là việc kiểm tra toàn diện bên trong và bên ngoài tàu bay nhằm mục đích phát hiện các vật khả nghi, vũ khí, chất nổ hoặc các thiết bị, vật phẩm hoặc các chất nguy hiểm khác.

17. Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam là Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an.

18. Phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng là kế hoạch triển khai lực lượng, biện pháp và quy trình giải quyết, vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan trong trường hợp xảy ra hành vi can thiệp bất hợp pháp theo các cấp độ tương ứng.

19. Soi chiếu an ninh hàng không là việc sử dụng trang bị, thiết bị kỹ thuật hoặc biện pháp khác để phát hiện vũ khí, chất nổ hoặc vật phẩm nguy hiểm khác có thể được sử dụng để thực hiện hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

20. Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không là tài liệu xác nhận người được phép vào và hoạt động trong khu vực hạn chế liên quan của cảng hàng không.

21. Thẻ kiểm soát an ninh nội bộ là tài liệu xác nhận người được phép vào và hoạt động trong khu vực hạn chế riêng của đơn vị, doanh nghiệp tại cảng hàng không và nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không.

22. Thẻ nhận dạng tổ bay là tài liệu xác nhận, cho phép thành viên tổ bay của một hãng hàng không vào khu vực hạn chế liên quan của cảng hàng không để thực hiện chuyến bay.

Chương II **BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG** **VÀ ĐỐI PHÓ VỚI HÀNH VI CAN THIỆP BẤT HỢP PHÁP**

Mục 1 **BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG**

Điều 5. Bảo đảm an ninh, quốc phòng trong hoạt động hàng không dân dụng

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn từ sớm, từ xa, đấu tranh làm thất bại các hoạt động xâm phạm an ninh, quốc phòng trong hoạt động hàng không dân dụng, bảo đảm an ninh hàng không theo quy định của pháp luật về an ninh quốc gia, quốc phòng, công an nhân dân, phòng, chống khủng bố; đấu tranh, phòng chống tội phạm và các hành vi khác vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn xã hội tại cảng hàng không, cơ sở của ngành hàng không và khu vực lân cận cảng hàng không.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân liên quan trong phạm vi trách nhiệm của mình triển khai thực hiện công tác bảo vệ an ninh hàng không theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chương trình an ninh hàng không

1. Chương trình an ninh hàng không là hệ thống các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không; xử lý vụ việc vi phạm an ninh hàng không; đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp; hệ thống tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không; công trình, trang bị, thiết bị, phương tiện và vũ khí, công cụ hỗ trợ phục vụ công tác bảo đảm an ninh hàng không; quản lý rủi ro an ninh hàng không; kiểm soát chất lượng an ninh hàng không; huấn luyện đào tạo an ninh hàng không; trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong công tác bảo đảm an ninh hàng không.

2. Người khai thác cảng hàng không, người khai thác tàu bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, tổ chức sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay, tổ chức cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, tổ chức xử lý hàng hóa, bưu gửi để đưa lên tàu bay chịu trách nhiệm xây dựng chương trình an ninh hàng không của đơn vị mình, trình Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

3. Người khai thác tàu bay, hãng hàng không nước ngoài thực hiện vận chuyển thương mại đến và đi từ Việt Nam xây dựng quy trình an ninh hàng không bổ sung đối với hoạt động khai thác của hãng tại Việt Nam, trình Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam chấp thuận.

Điều 7. Nguyên tắc thiết lập và bảo đảm an ninh khu vực hạn chế

1. Cảng hàng không và nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không phải thiết lập các khu vực hạn chế. Việc thiết lập khu vực hạn chế do lực lượng kiểm soát an ninh hàng không chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan dựa trên cơ sở đánh giá rủi ro, cơ sở hạ tầng và tính chất hoạt động hàng không dân dụng, các khu vực hạn chế được thiết lập, gồm:

a) Khu vực hành khách sau khi đã kiểm tra soi chiếu người và hành lý chờ để đi tàu bay (khu vực cách ly), khu vực từ điểm kiểm tra an ninh đối với nhân viên nội bộ trước khi vào khu vực hạn chế vào bên trong nhà ga;

b) Khu vực sân đỗ tàu bay, đường hạ cất cánh, đường lăn và các khu vực khác trong sân bay;

c) Khu vực phục vụ hành lý ký gửi sau khi đã được kiểm tra an ninh hàng không để đưa lên tàu bay (khu vực phân loại hành lý);

d) Khu vực dành cho hành khách quá cảnh, nối chuyến chờ để chuyển tiếp chuyến bay (khu vực quá cảnh);

đ) Khu vực phục vụ hàng hóa, bưu gửi sau khi đã kiểm tra soi chiếu để đưa lên tàu bay (khu vực phân loại, lưu giữ, chất xếp hàng hóa, bưu gửi) tại cảng hàng không và các kho hàng không kéo dài;

e) Nhà khách phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang;

g) Khu vực giao nhận hành lý cho hành khách tại nhà ga đến;

h) Khu vực bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt tàu bay;

i) Khu vực sản xuất, chế biến, cung ứng suất ăn;

k) Khu vực kho nhiên liệu cung cấp cho tàu bay;

l) Trung tâm khẩn nguy cảng hàng không; Trung tâm khẩn nguy hàng không quốc gia;

m) Khu vực trung tâm: Kiểm soát đường dài, Kiểm soát Tiếp cận - Tại sân, Quản lý luồng không lưu;

n) Khu vực Đài kiểm soát không lưu, Trạm ra-đa giám sát hàng không, Trạm thông tin phục vụ điều hành bay;

o) Trạm cấp điện, cấp nước của cảng hàng không (nằm ngoài khu vực hạn chế nhà ga, sân bay);

p) Khu vực từ điểm soi chiếu hành lý ký gửi vào bên trong nhà ga;

q) Khu vực từ điểm soi chiếu hàng hóa, bưu gửi để vận chuyển bằng tàu bay vào bên trong nhà ga, nhà kho;

r) Khu vực lắp đặt các thiết bị điều khiển trung tâm của hệ thống kỹ thuật nhà ga, sân bay, kiểm soát cổng cửa ra vào nhà ga, sân bay, quản lý nhà ga, kho hàng hóa; phòng giám sát an ninh bằng camera; nơi đặt thiết bị điều khiển hệ thống phát thanh, phát hình của cảng hàng không; nơi đặt máy chủ hệ thống máy tính phục vụ hoạt động của cảng hàng không.

2. Trong trường hợp phải tăng cường bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không hoặc để bảo vệ hiện trường hoặc để phục vụ hoạt động hàng không dân dụng, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không chủ trì, phối hợp với người khai thác cảng hàng không thiết lập khu vực hạn chế tạm thời và thông báo ngay cho các cơ quan, đơn vị hoạt động thường xuyên tại khu vực đó. Việc thiết lập khu vực hạn chế tạm thời được quy định cụ thể trong chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam.

3. Người khai thác cảng hàng không, người khai thác tàu bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, tổ chức sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay, tổ chức cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, tổ chức xử lý hàng hóa, bưu gửi để đưa lên tàu bay chủ trì, phối hợp với đơn vị kiểm soát an ninh hàng không thiết lập khu vực hạn chế thuộc quyền quản lý, khai thác và được quy định cụ thể trong chương trình an ninh hàng không của mình.

4. Người, phương tiện vào, ra và hoạt động tại khu vực hạn chế phải có thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không do cơ quan có thẩm quyền cấp, trừ trường hợp là hành khách đi tàu bay hoặc trong trường hợp khẩn nguy an ninh, an toàn tại cảng hàng không.

5. Người, phương tiện vào, ra và hoạt động tại khu vực hạn chế phải được kiểm tra, soi chiếu, giám sát liên tục, hộ tống an ninh hàng không; trường hợp cần thiết theo quy định phải được lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, trừ trường hợp khẩn nguy an ninh, an toàn tại cảng hàng không.

6. Khu vực hạn chế phải được lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tổ chức tuần tra, canh gác, bảo vệ và thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không thích hợp.

7. Đối với khu vực quân sự tiếp giáp với khu vực hạn chế tại sân bay dùng chung, lực lượng quân đội phối hợp với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tổ chức thực hiện nhiệm vụ tuần tra, canh gác, bảo vệ.

8. Đối với cảng hàng không chuyên dùng, người khai thác cảng hàng không chuyên dùng hoặc người khai thác tàu bay tổ chức thực hiện nhiệm vụ tuần tra, canh gác, bảo vệ cảng hàng không.

Điều 8. Bảo đảm an ninh khu vực công cộng thuộc cảng hàng không

1. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không thiết lập các chốt canh gác, tổ chức tuần tra, kiểm soát, duy trì trật tự tại các khu vực công cộng thuộc cảng hàng không; phát hiện, xử lý kịp thời những hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật, vi phạm trật tự công cộng, hành lý không xác định được chủ, người hoặc đồ vật có dấu hiệu uy hiếp an ninh hàng không. Đơn vị kiểm soát an ninh hàng không chủ trì xác định khu vực công cộng thuộc cảng hàng không trên cơ sở đánh giá rủi ro an ninh hàng không; phân luồng giao thông tại các khu vực công cộng thuộc cảng hàng không.

2. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Công an cấp xã, phường lân cận và người khai thác cảng hàng không duy trì, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội tại khu vực công cộng thuộc cảng hàng không.

Điều 9. Bảo đảm an ninh khu vực lân cận cảng hàng không và các cơ sở hạ tầng khác của ngành hàng không

1. Ủy ban nhân dân các cấp nơi có cảng hàng không và các cơ sở hạ tầng khác của ngành hàng không có trách nhiệm quản lý địa bàn, phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi uy hiếp an ninh, an toàn hàng không; xây dựng và thực hiện phương án phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào cảng hàng không và cơ sở hạ tầng khác của ngành hàng không, tấn công tàu bay trong giai đoạn cất cánh, hạ cánh.

2. Công an xã, Công an phường, Công an đặc khu, Đồn Công an nơi có cảng hàng không và các cơ sở hạ tầng khác của ngành hàng không chủ trì, phối hợp với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, lực lượng bảo vệ của các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuần tra khu vực lân cận bên ngoài cảng hàng không và các cơ sở hạ tầng khác của ngành hàng không nhằm phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi uy hiếp an ninh, an toàn hàng không, vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn xã hội.

Điều 10. Soi chiếu an ninh hàng không

1. Soi chiếu an ninh hàng không phải được thực hiện đối với người, hành lý, hàng hóa, bưu gửi, đồ vật và phương tiện, trước khi vào khu vực hạn chế của cảng hàng không và nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không; trừ trường hợp được miễn soi chiếu theo quy định.

2. Hành khách, tổ bay, hành lý, hàng hóa, bưu gửi, đồ vật đã soi chiếu phải được bảo vệ khỏi sự can thiệp trái phép từ điểm soi chiếu cho đến khi lên tàu bay bằng biện pháp giám sát an ninh thường xuyên. Nếu xảy ra sự trộn lẫn hoặc tiếp xúc với đối tượng chưa qua soi chiếu, phải soi chiếu lại trước khi cho phép lên tàu bay.

3. Hành khách, tổ bay và hành lý xách tay quá cảnh phải được soi chiếu trước khi lên tàu bay trừ trường hợp có thỏa thuận giữa nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi tàu bay xuất phát. Hành khách, hành lý xách tay quá cảnh phải được giám sát an ninh thường xuyên cho đến khi lên tàu bay.

Điều 11. Kiểm tra an ninh hàng không

1. Kiểm tra an ninh hàng không được tiến hành đối với tàu bay và người, hành lý, hàng hóa, bưu gửi, đồ vật, phương tiện vào khu vực hạn chế của cảng hàng không và nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không; giấy tờ sử dụng đi tàu bay; việc ra, vào và hoạt động trong khu vực hạn chế.

2. Kiểm tra an ninh hàng không được tiến hành thường xuyên theo hoạt động khai thác của cảng hàng không.

3. Kết quả kiểm tra an ninh hàng không làm cơ sở cho thực hiện quản lý rủi ro an ninh hàng không được quy định tại Điều 22 của Nghị định này.

4. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không thực hiện kiểm tra an ninh hàng không.

Điều 12. Lực soát an ninh hàng không

1. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không thực hiện lực soát an ninh hàng không trong trường hợp sau:

a) Hành khách, thành viên tổ bay, người phục vụ chuyến bay, người khác có liên quan, hành lý, hàng hóa, bưu gửi, phương tiện mà khi kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh hàng không phát hiện dấu hiệu hoặc có thông tin đe dọa đến an ninh của chuyến bay;

b) Người, hành lý, đồ vật mang theo của người phát ngôn đe dọa an ninh của chuyến bay tại điểm kiểm tra soi chiếu hoặc trong khu vực hạn chế;

c) Hành lý, đồ vật không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng được phát hiện tại cảng hàng không và các khu vực hạn chế khác;

d) Tàu bay khi có người trên tàu bay phát ngôn đe dọa an ninh của chuyến bay.

2. Không thực hiện lực soát an ninh hàng không đối với trường hợp được hưởng các quyền bất khả xâm phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Quy định về lực soát an ninh hàng không

1. Thẩm quyền quyết định việc lực soát an ninh hàng không:

a) Chỉ huy Đội trực ca công tác tại mục tiêu đảm nhiệm có thẩm quyền quyết định việc lục soát an ninh hàng không đối với các trường hợp quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 12 của Nghị định này;

b) Người đứng đầu đơn vị kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không có thẩm quyền quyết định việc lục soát an ninh hàng không đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị định này.

2. Việc lục soát an ninh hàng không đối với tàu bay phải được thông báo cho cảng vụ hàng không liên quan, người khai thác cảng hàng không và người khai thác tàu bay. Người thực hiện việc kiểm tra, lục soát an ninh tàu bay phải được đào tạo, huấn luyện kiểm tra, lục soát theo danh mục của từng loại tàu bay. Hãng hàng không liên quan có trách nhiệm cử nhân viên thợ kỹ thuật tàu bay tham gia, tư vấn trong quá trình lục soát an ninh tàu bay.

3. Đối với lục soát người phải bảo đảm nam lục soát nam, nữ lục soát nữ.

4. Việc lục soát an ninh hàng không phải được lập biên bản lục soát.

Điều 14. Bảo đảm an ninh hàng không đối với tàu bay

1. Trước mỗi chuyến bay, người khai thác tàu bay phải tổ chức kiểm tra an ninh tàu bay.

2. Khi hành khách rời khỏi tàu bay tại bất cứ điểm dừng nào của chuyến bay, người khai thác tàu bay phải kiểm tra lại bên trong tàu bay để bảo đảm hành khách đã xuống khỏi tàu bay và không để lại hành lý hoặc bất cứ vật gì trên tàu bay.

3. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không tổ chức giám sát, bảo đảm an ninh tàu bay bằng các biện pháp thích hợp khi tàu bay đỗ tại sân bay. Tại cảng hàng không chuyên dùng không có lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, bảo đảm an ninh tàu bay, ngăn chặn việc đưa người, đồ vật trái phép lên tàu bay.

4. Tổ chức sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay phải tổ chức giám sát an ninh hàng không, bảo vệ tàu bay trong suốt quá trình sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay tại cơ sở của mình.

5. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không của các hãng hàng không Việt Nam phải tổ chức kiểm soát việc tuân thủ các quy định về an ninh hàng không; đánh giá việc đáp ứng các tiêu chuẩn về an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không liên quan tại cảng hàng không nơi hãng khai thác; tổ chức kiểm tra an ninh đối với hành khách, hành lý, hàng hóa bằng biện pháp thích hợp đối với hoạt động khai thác tàu bay của hãng bên ngoài khu vực cảng hàng không.

6. Trong thời gian tàu bay đang bay, người chỉ huy tàu bay chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh, duy trì trật tự, kỷ luật của chuyến bay; áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo đảm an ninh cho chuyến bay; phối hợp với sĩ quan an ninh trên không được bố trí trên chuyến bay để thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh thích hợp; bàn giao vụ việc, người vi phạm, tang vật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không.

7. Ngay khi nhận được thông tin đe dọa đến an ninh, an toàn của tàu bay, chuyến bay, người khai thác tàu bay phải thông báo kịp thời cho Ban chỉ huy khẩn nguy an ninh cảng hàng không liên quan và thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn cho chuyến bay.

8. Thành viên tổ bay có trách nhiệm tuân thủ mệnh lệnh, sự chỉ huy, điều hành của người chỉ huy tàu bay; thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không, duy trì trật tự, kỷ luật của chuyến bay.

9. Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam quyết định triển khai sĩ quan an ninh trên không trong các trường hợp: chuyến bay quốc tế hoặc nội địa có thông tin đe dọa an ninh; chuyến bay đến hoặc xuất phát từ khu vực bất ổn về an ninh, trật tự; theo yêu cầu của quốc gia nơi tàu bay đến; theo đề nghị của Nhà chức trách an toàn hàng không Việt Nam hoặc người khai thác tàu bay; chuyến bay có đối tượng cảnh vệ theo đề nghị của Bộ Tư lệnh Cảnh vệ - Bộ Công an; chuyến bay quốc tế hoặc nội địa có vận chuyển bị can, bị cáo, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã hoặc đối tượng nguy hiểm khác; theo yêu cầu nghiệp vụ để chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi can thiệp bất hợp pháp trong thời điểm diễn ra các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước.

10. Sĩ quan an ninh trên không thuộc tổ chức, biên chế của Bộ Công an. Chi phí cho việc bố trí sĩ quan an ninh trên không trên chuyến bay từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc người khai thác tàu bay bảo đảm khi có nguy cơ đe dọa an ninh hàng không.

11. Sĩ quan an ninh trên không được trang bị và sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ chuyên dụng trên tàu bay; chịu sự chỉ huy chung của người chỉ huy tàu bay.

Điều 15. Bảo đảm an ninh hàng không đối với tổ bay, hành khách và hành lý

1. Tổ bay, hành khách xuất phát, quá cảnh, nối chuyến, hành lý trước khi lên tàu bay phải được kiểm tra thẻ nhận dạng tổ bay, giấy tờ đi tàu bay, phải qua kiểm tra, soi chiếu an ninh hàng không; sau khi kiểm tra, soi chiếu phải được cách ly, giám sát an ninh hàng không liên tục cho tới khi lên tàu bay. Trường hợp người, hành lý đã qua kiểm tra, soi chiếu an ninh hàng không mà có tiếp cận hoặc để lẫn với người, hành lý chưa qua kiểm tra, soi chiếu hoặc hành lý ký gửi có dấu hiệu bị can thiệp trái phép thì phải kiểm tra, soi chiếu lại.

2. Hành khách không được mang theo người hoặc để trong hành lý xách tay, hành lý ký gửi những vật phẩm nguy hiểm khi đi tàu bay, trừ trường hợp được cho phép theo danh mục các vật phẩm nguy hiểm cấm hoặc hạn chế mang theo người và hành lý lên tàu bay.

3. Hành lý ký gửi đã chất xếp lên tàu bay nhưng không có hành khách đi cùng trên chuyến bay phải được đưa xuống khỏi tàu bay trước khi chuyến bay khởi hành trừ trường hợp được xác định là hành lý ký gửi được phép chuyên chở không cùng hành khách theo quy định. Dữ liệu thông tin về hành lý ký gửi chuyên chở không cùng hành khách phải được người khai thác tàu bay cập nhật, lưu giữ theo thời gian quy định.

4. Hành lý thất lạc, nhầm lẫn phải được kiểm tra, soi chiếu an ninh hàng không trước khi đưa vào khu vực lưu giữ hoặc đưa lại lên tàu bay.

5. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không quy định tại các khoản 1, 2 và 4 của Điều này.

6. Người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kiểm tra an ninh tổ bay, hành khách, hành lý, đồ vật trên tàu bay và các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không khác đối với hoạt động khai thác hàng không chung vì mục đích thương mại tại cảng hàng không chuyên dùng.

Điều 16. Bảo đảm an ninh hàng không đối với hàng hóa, bưu gửi

1. Hàng hóa, bưu gửi vận chuyển bằng đường hàng không phải được kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh hàng không liên tục trước khi được đưa lên tàu bay; trường hợp phát hiện hàng hóa, bưu gửi đã qua soi chiếu có dấu hiệu bị can thiệp trái phép thì phải được kiểm tra, soi chiếu lại.

2. Các doanh nghiệp liên quan đến vận chuyển hàng hóa, bưu gửi bằng đường hàng không phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh thích hợp nhằm loại trừ việc vận chuyển vật phẩm nguy hiểm trái phép.

3. Kiểm tra, soi chiếu an ninh hàng không đối với túi thư ngoại giao, túi thư lãnh sự phải tuân thủ quy định của các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và pháp luật Việt Nam về ngoại giao, lãnh sự.

4. Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm phải tuân thủ các quy định của pháp luật và các điều kiện về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường hàng không của ICAO.

5. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không của Bộ Công an tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không quy định tại khoản 1 và 3 của Điều này.

6. Hàng hóa và bưu gửi quá cảnh, trung chuyển phải được kiểm tra bằng các biện pháp an ninh hàng không thích hợp trước khi được đưa lên tàu bay vận chuyển hàng không thương mại và được quy định chi tiết trong Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam.

Điều 17. Bảo đảm an ninh hàng không đối với suất ăn, đồ vật dự phòng, đồ vật phục vụ trên chuyến bay, nhiên liệu cho tàu bay và các đồ vật khác đưa lên tàu bay

1. Doanh nghiệp cung cấp suất ăn, đồ vật dự phòng, đồ vật phục vụ trên chuyến bay, nhiên liệu cho tàu bay chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không đối với suất ăn, nhiên liệu cho tàu bay, đồ vật dự phòng, đồ vật phục vụ trên tàu bay tại cơ sở của doanh nghiệp.

2. Suất ăn, đồ vật dự phòng, đồ vật phục vụ trên chuyến bay, nhiên liệu cho tàu bay và các đồ vật khác chịu sự kiểm tra an ninh hàng không khi vào khu vực hạn chế, đưa lên tàu bay; chịu sự kiểm tra, giám sát an ninh hàng không liên tục của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không.

Điều 18. Vận chuyển và mang theo vũ khí, công cụ hỗ trợ lên tàu bay

1. Đối với chuyến bay quốc tế, việc mang vũ khí trong khoang hành khách của tàu bay phải được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền của quốc gia nơi xuất phát, quốc gia nơi đến và quốc gia nơi quá cảnh (nếu có). Hãng hàng không phải thông báo cho người mang vũ khí các quy định về an toàn hàng không và quy định của quốc gia nơi xuất phát, quốc gia nơi đến và quốc gia nơi quá cảnh (nếu có) về việc mang vũ khí trong khoang hành khách của tàu bay.

2. Đối với các chuyến bay nội địa, việc mang vũ khí trong khoang hành khách thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Người mang vũ khí, công cụ hỗ trợ phải làm các thủ tục khai báo với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không trước khi mang vũ khí trước khi thực hiện chuyến bay.

3. Người được mang vũ khí, công cụ hỗ trợ lên khoang hành khách, người ký gửi vận chuyển vũ khí, công cụ hỗ trợ phải xuất trình giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ của đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp còn hiệu lực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

4. Người chỉ huy tàu bay phải được thông báo về tên, chỗ ngồi, loại vũ khí, công cụ hỗ trợ của người được phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ trên chuyến bay; những người mang vũ khí, công cụ hỗ trợ trên cùng chuyến bay phải được thông báo vị trí ngồi của nhau. Người mang vũ khí, công cụ hỗ trợ lên tàu bay không được sử dụng đồ uống có cồn, chất kích thích trong suốt chuyến bay; có trách nhiệm duy trì vũ khí, công cụ hỗ trợ trong trạng thái an toàn.

5. Các trường hợp không được mang vũ khí, công cụ hỗ trợ trong khoang hành khách phải làm thủ tục ký gửi vũ khí, công cụ hỗ trợ để vận chuyển; khi làm thủ tục chấp nhận vận chuyển, người khai thác tàu bay phải bảo đảm vũ khí, công cụ hỗ trợ trong trạng thái an toàn, cất giữ vũ khí, công cụ hỗ trợ ở vị trí hành khách không thể tiếp cận được trong suốt chuyến bay tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan.

Điều 19. Vận chuyển đối tượng tiềm ẩn uy hiếp an ninh hàng không

1. Đối tượng tiềm ẩn uy hiếp an ninh hàng không gồm:

- a) Người mất khả năng nhận thức hoặc điều khiển hành vi của mình;
- b) Người bị từ chối nhập cảnh, người bị trục xuất nhưng không tự nguyện về nước;
- c) Bị can, bị cáo, phạm nhân, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã.

2. Người chỉ huy tàu bay và người khai thác tàu bay phải được thông báo trước khi chuyến bay thực hiện về các hành khách thuộc đối tượng nêu trên. Hành khách quy định tại khoản 1 Điều này không được cung cấp đồ uống có cồn trong suốt chuyến bay; tổ bay phải giám sát liên tục trong suốt chuyến bay và áp dụng các biện pháp bổ sung cần thiết khác.

3. Việc chấp nhận vận chuyển các đối tượng tiềm ẩn uy hiếp an ninh hàng không quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được người chỉ huy tàu bay hoặc người khai thác tàu bay thực hiện trên cơ sở quản lý rủi ro an ninh hàng không. Hãng hàng không có thể đề nghị cử sĩ quan an ninh trên không áp giải đối tượng này trên chuyến bay.

4. Đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này khi vận chuyển phải có người của cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp giải; số lượng hành khách quy định tại khoản 1 Điều này được vận chuyển trên cùng một chuyến bay do Bộ trưởng Bộ Công an quy định.

5. Không vận chuyển hành khách được quy định tại khoản 1 Điều này trên các chuyến bay có đối tượng cảnh vệ.

Điều 20. Từ chối vận chuyển hành khách vì lý do an ninh

Người vận chuyển có quyền từ chối vận chuyển các hành khách sau đây vì lý do an ninh:

1. Trường hợp hành khách quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 của Nghị định này.

2. Trường hợp không đáp ứng được quy định tại khoản 4 Điều 19 của Nghị định này.

3. Trường hợp hành khách bị từ chối nhập cảnh nhưng không tự nguyện về nước không do hãng hàng không vận chuyển vào Việt Nam.

4. Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài.

Điều 21. Cấm vận chuyển bằng đường hàng không

1. Cấm vận chuyển có thời hạn từ 03 tháng đến 12 tháng đối với các đối tượng sau đây:

a) Hành khách gây rối;

b) Phát ngôn mang tính đe dọa sử dụng bom, mìn, chất nổ, vật liệu nổ, chất phóng xạ, vũ khí sinh học, hóa học trong khu vực làm thủ tục vận chuyển, khu vực cách ly, sân bay, trên tàu bay;

c) Cố ý tung tin, cung cấp thông tin sai về việc có bom, mìn, vật liệu nổ, chất nổ, chất phóng xạ, vũ khí sinh học, hóa học gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của hoạt động hàng không dân dụng;

d) Sử dụng giấy tờ giả để đi tàu bay;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn xã hội tại cảng hàng không, trên tàu bay.

2. Cấm vận chuyển có thời hạn trên 12 tháng đến 24 tháng đối với các trường hợp sau đây:

a) Đối tượng đã bị xử lý nhưng vẫn vi phạm một trong những hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Người có hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng quy định tại các điểm g và h khoản 1 Điều 94 của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15.

3. Cấm vận chuyển có thời hạn cho đến khi đối tượng chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính đối với người không thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

4. Cấm vận chuyển vĩnh viễn đối với các trường hợp sau đây:

a) Đối tượng đã bị xử lý nhưng vẫn vi phạm một trong những trường hợp nêu tại khoản 2 Điều này;

b) Người có hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 94 của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

c) Người có hành vi chiếm đoạt, gây bạo loạn tại cảng hàng không và cơ sở cung cấp dịch vụ điều hành bay.

5. Căn cứ tính chất mức độ vi phạm, Cục Quản lý xuất nhập cảnh quyết định cấm vận chuyển có thời hạn hoặc vĩnh viễn đối với các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều này. Quyết định cấm vận chuyển được áp dụng đối với các chuyến bay nội địa, chuyến bay quốc tế xuất phát từ Việt Nam của tất cả các hãng hàng không Việt Nam và nước ngoài.

Điều 22. Quản lý rủi ro an ninh hàng không

1. Rủi ro an ninh hàng không là xác suất thực hiện hoàn thành hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng đối với mục tiêu cụ thể, dựa trên đánh giá về đe dọa, hậu quả và yếu điểm hoặc hạn chế. Quản lý rủi ro về an ninh hàng không là các giải pháp tổng thể trong hệ thống các hoạt động hàng không nhằm giảm thiểu rủi ro đến mức thấp nhất, gồm: đánh giá rủi ro, thực hiện các biện pháp an ninh phòng ngừa và điều chỉnh các biện pháp đã được áp dụng.

2. Việc xây dựng, áp dụng các quy định, giải pháp, quy trình, thủ tục, quy chuẩn, tiêu chuẩn về an ninh hàng không, chương trình an ninh hàng không, kế hoạch khẩn nguy hoặc xây dựng các kế hoạch, phương án trong bảo đảm an ninh hàng không, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, các hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không phải dựa trên rủi ro an ninh hàng không; ưu tiên hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế và không tạo rào cản kỹ thuật không cần thiết đối với hoạt động thương mại, kinh doanh hàng không.

3. Bộ Công an chủ trì, Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính và các bộ, ngành có liên quan phối hợp trong việc thu thập, phân tích, đánh giá thông tin về hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, những phương thức, thủ đoạn uy hiếp an ninh hàng không. Kết quả đánh giá rủi ro an ninh hàng không được báo cáo theo cơ chế họp định kỳ của Ủy ban quốc gia về an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không.

4. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được pháp luật quy định có trách nhiệm trong công tác bảo đảm an ninh hàng không phải thực hiện quản lý rủi ro an ninh hàng không trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam.

Điều 23. Bảo đảm an ninh hàng không tăng cường

1. Biện pháp bảo đảm an ninh hàng không tăng cường (sau đây gọi là kiểm soát an ninh hàng không tăng cường) là việc áp dụng các biện pháp an ninh hàng không cao hơn mức bình thường thông qua việc tăng cường lực lượng trực, ứng trực, phương tiện, trang bị, thiết bị kỹ thuật, phát thanh để tuần tra, kiểm tra trực quan ngẫu nhiên, kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh, cảnh báo, giám sát người, hành khách, phương tiện, hành lý, hàng hóa, bưu gửi, đồ vật và hạn chế người, phương tiện vào, ra khu vực hạn chế cảng hàng không nhằm ngăn chặn hành vi vi phạm an ninh hàng không, hành vi can thiệp bất hợp pháp khi có các nguy cơ đe dọa gia tăng.

2. Kiểm soát an ninh hàng không tăng cường gồm 3 cấp độ từ thấp đến cao: cấp độ 1, cấp độ 2 và cấp độ 3 được áp dụng tương ứng với các trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 5 của Điều này. Nội dung từng cấp độ 1, cấp độ 2 và cấp độ 3 được quy định chi tiết trong Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam.

3. Cấp độ 1 được áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

- a) Có sự kiện chính trị, xã hội trọng đại của đất nước;
- b) Có tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội phức tạp.

4. Cấp độ 2 được áp dụng đối với trường hợp sau đây:

- a) Có thông tin tình báo về một âm mưu can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng nhưng chưa xác định địa điểm, mục tiêu, thời gian cụ thể;
- b) Có tình hình mất an ninh chính trị, trật tự xã hội nghiêm trọng tại địa phương.

5. Cấp độ 3 được áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

- a) Có thông tin xác thực về một âm mưu can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng có địa điểm, mục tiêu, thời gian cụ thể;
- b) Có tình hình mất an ninh chính trị, trật tự xã hội đặc biệt nghiêm trọng tại địa phương.

6. Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh quyết định áp dụng, hủy bỏ cấp độ an ninh hàng không tăng cường trên cơ sở đánh giá rủi ro và trao đổi với Nhà chức trách hàng không Việt Nam trong thời hạn 24 giờ kể từ lúc ban hành quyết định.

Điều 24. Kiểm soát tài liệu an ninh hàng không

1. Tài liệu an ninh hàng không là tài liệu hạn chế, phải được kiểm soát và bảo vệ thích hợp, chỉ phổ biến đến tổ chức, cá nhân liên quan.
2. Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam hướng dẫn danh mục, nguyên tắc quản lý, sử dụng tài liệu an ninh hàng không hạn chế.

Điều 25. Kiểm soát an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không

1. Doanh nghiệp quản lý, sử dụng nhân viên hàng không phải ban hành quy định về kiểm soát an ninh nội bộ, gồm các biện pháp xác minh, kiểm tra lý lịch nhân viên hàng không trước khi tuyển dụng; nội dung đánh giá về nhân thân nhân viên hàng không được thực hiện theo quy định tại Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam.
2. Bộ Công an chủ trì, Bộ Xây dựng phối hợp trong chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác kiểm soát an ninh nội bộ của doanh nghiệp quản lý, sử dụng nhân viên hàng không.
3. Bộ Công an có trách nhiệm kiểm tra nhân thân đối với nhân viên hàng không là người nước ngoài.

Điều 26. Bảo vệ hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không

1. Cơ quan, đơn vị quản lý hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không phải thực hiện các biện pháp bảo vệ, chống lại hành vi truy cập, can thiệp, sử dụng trái phép gây mất an ninh cho hoạt động hàng không dân dụng và đánh cắp thông tin.
2. Các hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không phải được bảo vệ gồm:
 - a) Hệ thống thông tin phục vụ công tác bảo đảm hoạt động bay;
 - b) Hệ thống kiểm soát khởi hành;
 - c) Hệ thống giữ chỗ và làm thủ tục hành khách;
 - d) Hệ thống đối chiếu đồng bộ hành lý với hành khách; hệ thống soi chiếu an ninh; hệ thống thông tin hành khách trước chuyến bay; hệ thống camera giám sát và cảnh báo xâm nhập;
 - đ) Các hệ thống chỉ huy điều hành, điện văn chuyên ngành hàng không;
 - e) Hệ thống cơ sở dữ liệu hàng không và những hệ thống công nghệ thông tin khác nếu có sự can thiệp trái phép sẽ gây mất an toàn cho hoạt động hàng không.

3. Hãng hàng không có trách nhiệm bảo mật thông tin cá nhân của hành khách và thực hiện theo quy định tại Điều 57 của Nghị định này.

Điều 27. Phổ biến, giáo dục pháp luật về an ninh hàng không

1. Hãng năm, Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức xây dựng và triển khai kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật về an ninh hàng không.

2. Cơ quan, đơn vị trong ngành hàng không có trách nhiệm phổ biến, giáo dục pháp luật về an ninh hàng không cho cán bộ, nhân viên để nâng cao ý thức chấp hành, tuân thủ các quy định về an ninh hàng không; tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng các quy định về bảo đảm an ninh hàng không.

3. Chính quyền địa phương nơi có cảng hàng không có trách nhiệm phổ biến, giáo dục pháp luật về an ninh hàng không cho nhân dân khu vực lân cận cảng hàng không để nâng cao ý thức chấp hành, tuân thủ các quy định về an ninh hàng không.

4. Hãng hàng không có trách nhiệm thường xuyên tổ chức phổ biến các quy định về an ninh hàng không cho hành khách đi tàu bay.

Mục 2

ĐỐI PHÓ VỚI HÀNH VI CAN THIỆP BẤT HỢP PHÁP

Điều 28. Mục đích, yêu cầu và phương châm chỉ đạo đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp

1. Chủ động ngăn chặn và đối phó có hiệu quả, hạn chế tới mức thấp nhất hậu quả, tác hại khi xảy ra hành vi can thiệp bất hợp pháp; ưu tiên bảo đảm an toàn cho tính mạng con người; ưu tiên bảo đảm an toàn tính mạng cho con tin và chỉ sử dụng biện pháp vũ trang cần thiết khi không còn cách giải quyết nào khác.

2. Ưu tiên về điều hành bay và các trợ giúp cần thiết khác đối với tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp.

3. Duy trì tối đa khả năng hoạt động bình thường tại nơi xảy ra hành vi can thiệp bất hợp pháp.

4. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp Công ước quốc tế về hàng không dân dụng và các điều ước quốc tế liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

5. Thực hiện nguyên tắc 4 tại chỗ, gồm: Phương án đối phó tại chỗ; lực lượng tại chỗ; trang thiết bị tại chỗ; hậu cần tại chỗ.

Điều 29. Phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng

1. Việc đối phó trực tiếp với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

2. Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố tại các địa phương nơi có cảng hàng không và các công trình, trang bị, thiết bị hàng không xây dựng phương án khẩn nguy theo đề cương tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; thực hiện nhiệm vụ chỉ huy, đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng theo quy định.

3. Đơn vị kiểm soát an ninh hàng không tại các cảng hàng không, hãng hàng không, doanh nghiệp chủ quản cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay xây dựng phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp theo đề cương tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ ngành, cơ quan, đơn vị liên quan ban hành hướng dẫn xây dựng, triển khai phương án khẩn nguy, các biện pháp nghiệp vụ cụ thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

Điều 30. Phân nhóm hành vi can thiệp bất hợp pháp

1. Nhóm hành vi cấp độ 1:

a) Xâm nhập bằng vũ lực tại cảng hàng không hoặc ngoài cảng hàng không đối với các công trình, trang thiết bị hàng không dân dụng;

b) Đưa vật phẩm nguy hiểm vào tàu bay, hoặc vào các khu vực hạn chế khác với mục đích phạm tội;

c) Cung cấp thông tin sai đến mức uy hiếp an toàn của tàu bay đang bay hoặc trên mặt đất; an toàn của hành khách, tổ bay, nhân viên mặt đất hoặc người tại cảng hàng không và nơi có công trình, trang thiết bị hàng không dân dụng;

d) Cố ý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật uy hiếp an toàn khai thác tàu bay hoặc khai thác cảng hàng không hoặc bảo đảm hoạt động bay.

2. Nhóm hành vi cấp độ 2:

a) Cưỡng đoạt trái phép tàu bay;

b) Phá hủy tàu bay đang khai thác;

c) Bắt giữ con tin trong tàu bay hoặc tại cảng hàng không;

d) Sử dụng tàu bay như một vũ khí với mục đích gây tử vong, thương tích nghiêm trọng cho người hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho tài sản hoặc môi trường.

3. Trong trường hợp hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp độ 1 nhưng có các diễn biến phức tạp, đe dọa nghiêm trọng đến an ninh, an toàn hoạt động hàng không dân dụng, tính mạng, tài sản của tổ chức, công dân hoặc an ninh quốc gia thì báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp đối phó khẩn nguy như các hành vi cấp độ 2, cụ thể:

a) Đối với các cảng hàng không do Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam chủ trì công tác bảo đảm an ninh hàng không, Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp cảng hàng không báo cáo, đề xuất Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp quốc gia quyết định;

b) Đối với các cảng hàng không do Công an cấp tỉnh chủ trì công tác bảo đảm an ninh hàng không, Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp cảng hàng không báo cáo, đề xuất Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp tỉnh quyết định.

4. Các hành vi can thiệp bất hợp pháp khác do Ủy ban quốc gia về an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không xác định và đánh giá cấp độ đối phó phù hợp.

Điều 31. Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh

1. Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh là tổ chức được thiết lập để đánh giá nguy cơ xảy ra hành vi can thiệp bất hợp pháp đối với hoạt động hàng không dân dụng, có nhiệm vụ chỉ huy, điều hành và điều phối các lực lượng liên quan khi đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp.

2. Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh các cấp gồm:

a) Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp quốc gia là Ủy ban quốc gia về an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không;

b) Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp tỉnh là Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp cảng hàng không là Ủy ban an ninh cảng hàng không, gồm đại diện các cơ quan quản lý nhà nước, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp hoạt động thường xuyên tại cảng hàng không. Chức năng, nhiệm vụ Ủy ban An ninh cảng hàng không được quy định trong chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam.

Điều 32. Chỉ đạo, chỉ huy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp độ 1

1. Triển khai đối phó:

a) Đối với hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp độ 1 tại địa bàn cảng hàng không, Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp cảng hàng không chịu trách nhiệm chỉ huy đối phó;

b) Đối với hành vi can thiệp bất hợp pháp xảy ra tại cơ sở bảo đảm hoạt động bay ngoài cảng hàng không, Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam chịu trách nhiệm đối phó và báo cáo ngay Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp tỉnh để chỉ đạo đối phó;

c) Đối với hành vi can thiệp bất hợp pháp xảy ra trên tàu bay đang bay, người chỉ huy tàu bay, Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam chịu trách nhiệm đối phó; Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam báo cáo ngay Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp cảng hàng không chỉ đạo đối phó.

d) Đối với hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp độ 1 tại các khu vực khác có công trình, trang thiết bị hàng không dân dụng, doanh nghiệp chủ quản công trình, trang thiết bị hàng không dân dụng chịu trách nhiệm đối phó và báo cáo ngay Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp tỉnh để chỉ đạo đối phó.

2. Căn cứ đánh giá tình hình thực tế, đối với các hành vi can thiệp bất hợp pháp chưa đến mức nghiêm trọng, nằm trong khả năng xử lý của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, thủ trưởng đơn vị đối phó trực tiếp quyết định biện pháp xử lý thích hợp theo quy định của pháp luật; trong trường hợp vượt quá thẩm quyền hoặc ngoài khả năng đối phó, báo cáo ngay Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp trên để chỉ đạo.

Điều 33. Chỉ đạo, chỉ huy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp độ 2

1. Triển khai đối phó:

a) Đối với hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp độ 2 xảy ra tại cảng hàng không, Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp cảng hàng không triển khai đối phó; báo cáo ngay các Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp trên như quy định tại khoản 3 Điều 30 của Nghị định này;

b) Đối với hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp độ 2 xảy ra trên tàu bay đang bay, người chỉ huy tàu bay, Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam triển khai đối phó ban đầu; Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam báo cáo ngay Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp quốc gia để chỉ đạo đối phó và thông báo đến các

cơ quan, đơn vị có liên quan để phối hợp thực hiện. Trường hợp trên tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp có bố trí sĩ quan an ninh trên không, sĩ quan an ninh trên không triển khai ứng phó theo quy chế do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành;

c) Đối với hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp độ 2 xảy ra tại cơ sở bảo đảm hoạt động bay nằm ngoài cảng hàng không, Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam triển khai đối phó, báo cáo ngay Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp tỉnh để chỉ đạo đối phó;

2. Trường hợp vượt quá thẩm quyền hoặc ngoài khả năng đối phó, Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp tỉnh báo cáo, đề xuất ngay Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp quốc gia trực tiếp chỉ đạo công tác đối phó.

3. Căn cứ diễn biến thực tế, Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp quốc gia chỉ đạo đối phó khẩn nguy, điều động lực lượng tăng cường, hỗ trợ đối phó.

4. Chỉ huy trực tiếp đối phó khẩn nguy tại hiện trường

Căn cứ diễn biến thực tế, Ban Chỉ huy khẩn nguy an ninh các cấp chủ trì thực hiện phương án đối phó, thống nhất phân công chỉ huy giải quyết các nhiệm vụ cụ thể; quyết định của Trưởng Ban chỉ huy khẩn nguy an ninh chủ trì thực hiện phương án đối phó là quyết định cuối cùng khi điều hành đối phó.

Điều 34. Đối phó với tấn công mạng vào hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không dân dụng

1. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Quốc phòng, Bộ Xây dựng chỉ đạo công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi tấn công mạng và hành vi có liên quan đến tấn công mạng đối với hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không dân dụng; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị ngành hàng không trong công tác đối phó với hành vi tấn công mạng và hành vi có liên quan đến tấn công mạng đối với hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không dân dụng.

2. Các cơ quan, đơn vị ngành hàng không chịu trách nhiệm xây dựng phương án bảo vệ, phòng ngừa, đối phó với hành vi tấn công, can thiệp vào hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không của đơn vị mình; có phương án dự phòng bảo đảm duy trì hoạt động khai thác liên tục.

Điều 35. Hợp tác quốc tế trong đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp

1. Việc hợp tác quốc tế trong đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng trên cơ sở các nguyên tắc sau:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; phù hợp với chính sách, đường lối đối ngoại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia liên quan, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; phối hợp hài hòa, chủ động, tích cực, minh bạch vì lợi ích chung;

c) Các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng thuộc phạm vi trách nhiệm của Việt Nam, có liên quan đến công dân, tài sản của nước ngoài được thông báo kịp thời đến quốc gia liên quan (qua đường ngoại giao hoặc thông qua ICAO).

2. Bộ Công an là cơ quan chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan thực hiện hợp tác quốc tế trong đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng; Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành liên quan khác trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp với Bộ Công an trong hợp tác quốc tế đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

3. Nội dung hợp tác quốc tế gồm:

a) Trao đổi thông tin về can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng;

b) Huấn luyện, diễn tập;

c) Nâng cao năng lực pháp luật; đào tạo, huấn luyện kiến thức, kỹ năng về đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng;

d) Tăng cường điều kiện vật chất về đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng;

đ) Đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng;

e) Thực hiện các nội dung hợp tác quốc tế khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

g) Hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ số và trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác bảo đảm an ninh hàng không.

Điều 36. Cơ sở, trang thiết bị phục vụ chỉ huy, điều hành và triển khai đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp

1. Trung tâm khẩn nguy an ninh hàng không quốc gia:

a) Trung tâm khẩn nguy an ninh hàng không quốc gia là trụ sở chính để Ban chỉ huy khẩn nguy cấp quốc gia chỉ đạo, điều hành đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp độ 2, được đặt tại Trung tâm chỉ huy tác chiến của Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam;

b) Trung tâm khẩn nguy an ninh hàng không quốc gia phải được đầu tư, xây dựng bảo đảm thuận lợi cho các bộ phận hoạt động theo từng chức năng riêng và thuận lợi cho việc chỉ huy, điều hành, sinh hoạt của Ban chỉ huy khẩn nguy; bảo đảm hệ thống thông tin liên lạc thông suốt theo quy định;

c) Tại Trung tâm khẩn nguy an ninh hàng không quốc gia phải có các phương tiện, trang bị, thiết bị cần thiết phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

2. Trung tâm khẩn nguy an ninh hàng không cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Trung tâm khẩn nguy an ninh hàng không cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đặt tại Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Trung tâm khẩn nguy an ninh hàng không cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải được đầu tư, xây dựng bảo đảm thuận lợi cho các bộ phận hoạt động theo từng chức năng riêng và thuận lợi cho việc chỉ huy, điều hành của Ban chỉ huy; bảo đảm hệ thống thông tin liên lạc thông suốt theo quy định;

c) Tại Trung tâm khẩn nguy an ninh hàng không cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải có các phương tiện, trang bị, thiết bị cần thiết phục vụ công tác chỉ huy, điều hành.

3. Trung tâm khẩn nguy an ninh cảng hàng không:

a) Ban chỉ huy khẩn nguy an ninh cảng hàng không khảo sát, đánh giá, quyết định đặt vị trí Trung tâm khẩn nguy an ninh cảng hàng không căn cứ vào việc đánh giá rủi ro để phục vụ việc chỉ đạo, điều hành đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp và chỉ huy thực hiện phương án khẩn nguy cảng hàng không;

b) Trung tâm khẩn nguy an ninh cảng hàng không phải bảo đảm các yêu cầu sau: Có hệ thống thông tin liên lạc thông suốt; đặt ở vị trí thuận lợi cho việc chỉ huy, điều hành đối phó của Ban chỉ huy; bảo đảm khoảng cách an toàn hoặc có phương án cách ly phù hợp với thực tế hạ tầng cảng hàng không;

c) Trường hợp do hành vi can thiệp bất hợp pháp không thể sử dụng được Trung tâm khẩn nguy an ninh của cảng hàng không thì việc chỉ huy được chuyển về Trung tâm khẩn nguy an ninh của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

4. Sở chỉ huy lưu động tại hiện trường:

a) Trong trường hợp cần thiết, Trưởng Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc Trưởng Ban chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp quốc gia có thể thiết lập sở chỉ huy lưu động tại hiện trường;

b) Sở chỉ huy lưu động phải được trang bị tối thiểu các phương tiện, thiết bị, hệ thống thông tin liên lạc cần thiết phục vụ việc chỉ huy đối phó tại hiện trường;

c) Tại mỗi cảng hàng không phải bố trí xe ô tô khẩn nguy có trang bị các phương tiện, thiết bị và hệ thống thông tin cần thiết phục vụ thiết lập sở chỉ huy lưu động tại hiện trường.

5. Bộ Công an chủ trì thực hiện việc đầu tư, xây dựng, trang bị hạ tầng kỹ thuật, quản lý và vận hành tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

6. Khu vực phục vụ triển khai đối phó tại cảng hàng không:

a) Người khai thác cảng hàng không phải bố trí khu vực tập kết và sân đỗ biệt lập cho tàu bay phù hợp nhằm bảo đảm thuận lợi cho việc triển khai lực lượng đối phó, an toàn cho các hoạt động bình thường khác và thuận tiện cho việc kiểm soát, di chuyển;

b) Các khu vực tập kết gồm: khu vực tập kết hành khách, hành lý, hàng hóa khi được đưa từ tàu bay xuống; khu vực tập kết của các lực lượng tham gia đối phó; khu vực tập kết nạn nhân để tiến hành sơ cứu, cấp cứu; khu vực chứa và xử lý bom, mìn, vật liệu nổ, chất độc hóa học, sinh học, chất phóng xạ;

c) Mỗi cảng hàng không phải thiết lập khu vực đỗ biệt lập dành cho tàu bay bị can thiệp bất hợp pháp để ưu tiên sử dụng khi có thể, đáp ứng các yêu cầu: có khoảng cách an toàn với nhà ga, nhà xưởng và ít ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cảng hàng không; thuận tiện cho việc quan sát và triển khai lực lượng đối phó.

Điều 37. Diễn tập phương án đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp

1. Diễn tập cấp quốc gia

a) Ủy ban quốc gia về an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không chỉ đạo tổ chức diễn tập đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp quốc gia, có sự tham gia của các lực lượng liên ngành liên quan;

b) Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam tham mưu, giúp Ủy ban quốc gia về an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không tổ chức diễn tập đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp quốc gia;

c) Diễn tập cấp quốc gia được tổ chức đối với các tình huống cấp độ 2, tối thiểu 04 năm một lần.

2. Diễn tập cấp tỉnh

a) Ban Chỉ huy khẩn nguy cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức diễn tập đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp tỉnh với sự tham gia của các lực lượng liên ngành liên quan;

b) Công an cấp tỉnh được giao nhiệm vụ chủ trì công tác bảo đảm an ninh hàng không tham mưu, giúp Ban Chỉ huy khẩn nguy cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức diễn tập;

c) Diễn tập cấp tỉnh được tổ chức đối với các tình huống cấp độ 2, tối thiểu 03 năm một lần.

3. Diễn tập cấp cơ sở

a) Đơn vị kiểm soát an ninh hàng không tại các cảng hàng không; hãng hàng không Việt Nam; doanh nghiệp chủ quản cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay; doanh nghiệp chủ quản cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu tổ chức diễn tập cấp cơ sở, có sự tham gia của các lực lượng liên quan;

b) Diễn tập cấp cơ sở được tổ chức đối với các tình huống cấp độ 1 hoặc một phần của tình huống cấp độ 2 tối thiểu 02 năm một lần.

Chương III

LỰC LƯỢNG KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 38. Vị trí, chức năng và tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không

1. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không gồm:

a) Cán bộ, chiến sĩ trực tiếp làm nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không, tham mưu quản lý nhà nước thuộc Bộ Công an;

b) Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không của các tổ chức: cung cấp dịch vụ không lưu; sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; cung cấp dịch vụ nhiên liệu cho tàu bay; cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không; hãng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung.

2. Bộ Công an tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không để thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không và cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không và cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi để đưa lên tàu bay.

3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không để thực hiện bảo đảm an ninh hàng không tại cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu nằm ngoài khu vực hạn chế của cảng hàng không.

4. Tổ chức sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không để thực hiện bảo đảm an ninh hàng không tại cơ sở sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay.

5. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nhiên liệu cho tàu bay, suất ăn hàng không tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không để thực hiện bảo đảm an ninh hàng không tại cơ sở cung cấp nhiên liệu cho tàu bay và chế biến suất ăn hàng không.

6. Hãng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không để thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không trên tàu bay và hoạt động khai thác tàu bay bên ngoài khu vực cảng hàng không.

Điều 39. Yêu cầu đối với tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không

1. Đối với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 của Nghị định này

Bộ trưởng Bộ Công an quy định hệ thống tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không theo quy định của pháp luật bảo đảm tinh, gọn, hiệu quả, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ và các phương tiện, thiết bị phù hợp chế áp tàu bay không người lái trong khu vực quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Đối với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 của Nghị định này

a) Có hệ thống tổ chức bảo đảm an ninh độc lập;

b) Người đứng đầu của các bộ phận thuộc hệ thống bảo đảm an ninh không kiêm nhiệm và được phê chuẩn cùng chương trình an ninh hàng không của doanh nghiệp;

c) Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không phải được đào tạo, huấn luyện, cấp giấy phép, năng định theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

Điều 40. Nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 của Nghị định này

a) Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về an ninh hàng không; thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không theo thẩm quyền; quản lý nhà nước về an ninh hàng không;

b) Xây dựng, trình Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình an ninh hàng không tại cảng hàng không và cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi để đưa lên tàu bay;

c) Xây dựng và triển khai phương án đối phó ban đầu với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng tại cảng hàng không, cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi; tấn công, chế áp tàu bay không người lái xâm phạm khu vực được giao quản lý;

d) Đề nghị Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh đình chỉ thực hiện chuyến bay nhằm ngăn chặn khả năng uy hiếp an ninh đối với chuyến bay;

đ) Khi thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi thẩm quyền được áp dụng biện pháp bảo đảm an ninh nhằm phòng ngừa, ngăn chặn đối với người có hành vi uy hiếp an ninh, an toàn hàng không, cản trở hoặc cố tình chống đối; thu giữ vũ khí, chất nổ, chất cháy và những vật phẩm nguy hiểm khác đưa trái phép vào khu vực hạn chế;

e) Xử lý các hành vi vi phạm an ninh hàng không, trường hợp quá thẩm quyền thì chuyển giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định pháp luật; yêu cầu hãng hàng không từ chối vận chuyển hành khách vì lý do an ninh theo quy định;

g) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng để rà, phá, xử lý bom, mìn, vũ khí sinh học, hóa học, chất phóng xạ; ngăn chặn dịch bệnh tại cảng hàng không, trên tàu bay; xử lý hành lý, hàng hóa, bưu gửi và các đồ vật khác chứa vật phẩm nguy hiểm;

h) Cán bộ, chiến sỹ làm công tác kiểm soát an ninh hàng không được đào tạo, huấn luyện, cấp giấy phép, năng định theo quy định về đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không của Bộ trưởng Bộ Công an.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 của Nghị định này

a) Giúp người khai thác tàu bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, tổ chức sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay, tổ chức cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không xây dựng, trình Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình an ninh hàng không của doanh nghiệp trong phạm vi quản lý;

b) Tham gia đối phó ban đầu với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng; bảo vệ hiện trường khi xảy ra các vụ việc uy hiếp an ninh tại khu vực doanh nghiệp quản lý;

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng có thẩm quyền để triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự tại khu vực doanh nghiệp quản lý;

d) Lập biên bản vụ việc đối với người có hành vi uy hiếp an ninh hàng không và chuyển giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định pháp luật;

đ) Có trang phục, phù hiệu của doanh nghiệp, được quy định trong chương trình an ninh hàng không của doanh nghiệp; được trang bị sử dụng thiết bị, phương tiện, công cụ hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Chương IV **BẢO ĐẢM AN NINH CHUYẾN BAY CHUYÊN CƠ,** **CHUYÊN KHOANG**

Điều 41. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không cấp cho người, phương tiện phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang

1. Việc cấp, quản lý và sử dụng thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không cho người, phương tiện phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

2. Người đứng đầu đơn vị tham gia phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang lập danh sách người thường xuyên phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn, trong đó nêu rõ nhiệm vụ thường xuyên của người được đề nghị cấp thẻ phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang.

3. Người đứng đầu đơn vị quản lý phương tiện thường xuyên tham gia phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang lập danh sách phương tiện đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn, trong đó nêu rõ chức năng sử dụng của phương tiện đối với chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang.

4. Người đứng đầu đơn vị tham gia phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang lập danh sách người, phương tiện đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn theo quy định.

5. Địa điểm cấp thẻ, giấy phép sử dụng ngắn hạn phải nằm ngoài khu vực phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang.

6. Cán bộ, chiến sĩ Bộ Tư lệnh Cảnh vệ - Bộ Công an khi làm nhiệm vụ phục vụ, bảo đảm an ninh cho các chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang, được phép sử dụng thẻ hoặc pin do Bộ Tư lệnh Cảnh vệ - Bộ Công an cấp để hoạt động tại các khu vực hạn chế và phải thông báo mẫu thẻ hoặc pin cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh để triển khai cho các đơn vị thực hiện.

7. Khi có các sự kiện quốc tế tổ chức tại Việt Nam có chuyến bay chuyên cơ, đối tượng, phương tiện trực tiếp tham gia phục vụ tại cảng hàng không được phép sử dụng thẻ do Bộ Tư lệnh Cảnh vệ - Bộ Công an cấp để hoạt động tại các khu vực hạn chế và phải thông báo mẫu thẻ, danh sách cấp thẻ cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh để triển khai cho các đơn vị thực hiện.

Điều 42. Bảo đảm an ninh đối với nhiên liệu và công tác tra nạp nhiên liệu cho chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam

1. Hãng hàng không của Việt Nam thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang kiểm tra, giám sát việc bảo đảm chất lượng và an toàn đối với nhiên liệu và quá trình tra nạp nhiên liệu cho chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam, chịu sự kiểm tra, giám sát của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không.

2. Các đơn vị cung cấp dịch vụ nhiên liệu cho chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang tại Việt Nam phải bảo đảm xe tra nạp nhiên liệu tra nạp cho tàu bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam phải được kiểm tra, bảo đảm có tình trạng kỹ thuật tốt; phải được thủ trưởng đơn vị sử dụng phương tiện phê duyệt trong danh sách phương tiện được phục vụ chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam.

3. Nhiên liệu trước khi nạp lên tàu bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam phải có các xác nhận về chất lượng đáp ứng yêu cầu quy định. Các xác nhận về chất lượng nhiên liệu phải được thủ trưởng hoặc người được ủy quyền của đơn vị cung cấp nhiên liệu và người phụ trách phòng thử nghiệm ký xác nhận và phải còn thời gian hiệu lực.

4. Nhiên liệu còn lại trên tàu bay trước khi tra nạp phải được hãng hàng không của Việt Nam thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang kiểm tra chất lượng theo tài liệu hướng dẫn bảo dưỡng tàu bay; nhiên liệu còn trên tàu bay không đáp ứng yêu cầu phải được rút khỏi tàu bay, thùng chứa nhiên liệu của tàu bay phải được xử lý theo quy định trước khi nạp nhiên liệu mới để bảo đảm nhiên liệu khi được nạp vào tàu bay không bị ảnh hưởng hay thay đổi chất lượng theo tiêu chuẩn.

5. Công tác kiểm tra an ninh đối với phương tiện tra nạp, nhân viên lái xe và những người làm nhiệm vụ khác theo xe tra nạp (nếu có) của đơn vị tra nạp nhiên liệu cho tàu bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam trước khi vào khu bay tại Việt Nam:

a) Xe tra nạp sau khi tiếp nhận nhiên liệu tại kho phải được niêm phong cửa xả, cửa nạp. Trường hợp xe tra nạp nhiên liệu tra nạp cho tàu bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam đi qua khu vực không phải khu vực hạn chế thì phải bố trí 01 xe theo sau làm nhiệm vụ bảo vệ, có nhân viên kiểm soát an ninh hàng không của đơn vị tra nạp đi kèm áp tải; xe tra nạp nhiên liệu phải được gắn camera và được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình;

b) Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không chịu trách nhiệm kiểm tra toàn bộ người đi cùng phương tiện và phương tiện tra nạp nhiên liệu cho tàu bay, bảo đảm các cửa xả và cửa nạp của phương tiện tra nạp còn nguyên niêm phong trước khi vào khu vực hạn chế;

c) Đơn vị tra nạp thực hiện đúng quy trình kiểm tra xe tra nạp và quy trình kiểm soát chất lượng nhiên liệu trước khi thực hiện việc tra nạp.

6. Công tác kiểm tra, giám sát an ninh, an toàn trước và trong quá trình tra nạp nhiên liệu cho tàu bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam:

a) Việc tra nạp nhiên liệu cho tàu bay chuyên cơ, chuyên khoang tại Việt Nam được thực hiện dưới sự giám sát trực tiếp của tổ giám sát với các thành phần như sau: đại diện cơ quan Cảng vụ; đại diện tổ kỹ thuật chuẩn bị tàu bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam; đại diện hãng hàng không của Việt Nam có tàu bay chuyên cơ, chuyên khoang; đại diện người khai thác cảng hàng không; đại diện của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không; đại diện đơn vị tra nạp nhiên liệu cho tàu bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam; có biên bản ghi nhận do đại diện đơn vị kiểm soát an ninh hàng không thực hiện;

b) Việc tra nạp nhiên liệu cho tàu bay tại nước ngoài được thực hiện dưới sự giám sát trực tiếp của tổ giám sát với các thành phần như sau: đại diện tổ kỹ thuật chuẩn bị tàu bay chuyên cơ; nhân sự an ninh chuyên trách của hãng hàng không Việt Nam đi cùng chuyến bay chuyên cơ (nếu có);

c) Tổ giám sát có trách nhiệm: kiểm tra tính hợp pháp của các xác nhận về chất lượng nhiên liệu; kiểm tra niêm phong các cửa xả, nạp của phương tiện tra nạp; giám sát toàn bộ quá trình tra nạp nhiên liệu cho tàu bay; giám sát việc lấy mẫu và niêm phong mẫu sau khi tra nạp; giám sát việc kiểm tra trực quan đối với nhiên liệu cho tàu bay trước và trong quá trình nạp nhiên liệu theo quy trình tra nạp nhiên liệu trên tàu bay đối với trường hợp việc nạp nhiên liệu được thực hiện tại Việt Nam.

7. Lấy mẫu, lưu trữ mẫu nhiên liệu và các giấy chứng nhận kiểm tra chất lượng nhiên liệu tại Việt Nam:

a) Trước khi tra nạp, hãng hàng không thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang phải tiến hành lấy mẫu có dung tích tối thiểu là 01 lít nhiên liệu còn lại trên tàu bay và nhiên liệu chứa trên xe tra nạp, niêm phong và lưu mẫu nhiên liệu; vật dụng dùng để lưu mẫu phải đáp ứng tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc quốc tế đối với nhiên liệu cho tàu bay đang hiện hành;

b) Trên mỗi mẫu phải ghi rõ: vật chứa mẫu, số hiệu chuyến bay, số hiệu tàu bay được tra nạp, biên kiểm soát của xe tra nạp, thời gian lấy mẫu, tên người lấy mẫu, ngày lấy mẫu, tên và chữ ký của người niêm phong và có biên bản lấy mẫu có chữ ký của người lấy mẫu và người giám sát;

c) Các xác nhận về chất lượng nhiên liệu, mẫu nhiên liệu tra nạp cho tàu bay chuyên cơ, chuyên khoang phải được lưu tại đơn vị cung cấp nhiên liệu và người khai thác cảng hàng không nơi nạp nhiên liệu cho đến khi tàu bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam hạ cánh an toàn ở sân bay đến.

8. Đối với chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài, việc bảo đảm an ninh nhiên liệu của tàu bay chuyên cơ thực hiện theo các quy định tại Điều này hoặc theo yêu cầu của quốc gia có chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang đó.

Điều 43. Bảo đảm an ninh đối với suất ăn phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang

1. Hãng hàng không của Việt Nam, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không có trách nhiệm bảo đảm về an ninh đối với suất ăn phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang xuất phát từ Việt Nam; niêm phong và lưu giữ các mẫu suất ăn phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang ít nhất 24 giờ, kể từ khi đưa suất ăn lên phục vụ trên tàu bay chuyên cơ, chuyên khoang.

2. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không có trách nhiệm phối hợp với hãng hàng không thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang thực hiện việc kiểm tra trực quan đối với suất ăn phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang xuất phát từ Việt Nam trước khi đưa vào dụng cụ chứa đựng suất ăn, niêm phong an ninh dụng cụ chứa đựng suất ăn; bố trí cán bộ, chiến sĩ thực hiện việc áp tải suất ăn từ nơi chế biến ra tàu bay.

3. Bộ Tư lệnh Cảnh vệ - Bộ Công an có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với hãng hàng không của Việt Nam thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang tiến hành kiểm nghiệm thức ăn, nước uống phục vụ đối tượng cảnh vệ, nước uống phục vụ đối tượng cảnh vệ khi đi công tác nước ngoài, đi công tác trong nước.

4. Tổ bay chỉ được tiếp nhận lên tàu bay dụng cụ chứa đựng suất ăn cho khách chuyên cơ, chuyên khoang còn nguyên niêm phong an ninh.

Điều 44. Bảo đảm an ninh trật tự, an ninh hàng không tại khu vực công cộng cảng hàng không khi có chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang

1. Cục Quản lý xuất nhập cảnh chỉ đạo lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thiết lập các chốt kiểm soát tại các đường ra, vào và khu vực công cộng của cảng hàng không.

2. Đơn vị kiểm soát an ninh bố trí cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không, thiết bị và công cụ hỗ trợ phù hợp cùng lực lượng liên quan tổ chức tuần tra, kiểm soát, duy trì trật tự tại khu vực công cộng của cảng hàng không trong suốt quá trình chuẩn bị và phục vụ chuyên cơ, chuyên khoang; phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những hành vi gây mất an ninh cho chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang.

Điều 45. Miễn kiểm tra an ninh hàng không

1. Đối tượng được miễn kiểm tra an ninh hàng không, gồm:

a) Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam;

b) Người đứng đầu nhà nước, cơ quan lập pháp, chính phủ các quốc gia, vùng lãnh thổ thực hiện chuyến thăm cấp nhà nước, thăm chính thức, thăm làm việc, thăm cá nhân tại Việt Nam; người làm nhiệm vụ hộ tống, tiền trạm, đối ngoại hoặc nhiệm vụ khác liên quan đến các chuyến bay chuyên cơ của người đứng đầu nhà nước, cơ quan lập pháp, chính phủ các quốc gia, vùng lãnh thổ theo đề nghị của Bộ Ngoại giao.

2. Nội dung miễn kiểm tra an ninh hàng không

a) Người, hành lý, hàng hóa của các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này không phải thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Nghị định này;

b) Trên cơ sở đề nghị của Bộ Ngoại giao, trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được miễn tra an ninh một phần hoặc toàn bộ theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Nghị định này.

3. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm trao đổi với Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam về người được miễn kiểm tra an ninh, nội dung đề nghị miễn kiểm tra an ninh, thông tin chuyến bay; thông báo cho người được miễn kiểm tra an ninh hàng không Danh mục vật phẩm nguy hiểm bị cấm hoặc hạn chế mang lên tàu bay theo quy định của Việt Nam.

4. Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam phối hợp với Bộ Tư lệnh Cảnh vệ - Bộ Công an trong việc kiểm tra danh sách đối tượng được miễn kiểm tra an ninh hàng không.

Điều 46. Bảo đảm an ninh đối với chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam

1. Cục Quản lý xuất nhập cảnh chỉ đạo:

a) Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không bố trí đủ lực lượng, trang thiết bị thực hiện kiểm tra, giám sát, kiểm soát an ninh đối với người, phương tiện ra, vào, hoạt động, hành lý, hàng hóa đưa vào trong khu vực phục vụ chuyên cơ, chuyên khoang; trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 45 của Nghị định này;

b) Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không bố trí lực lượng canh gác, giám sát, bảo vệ tàu bay chuyên cơ, chuyên khoang từ khi tàu bay được đưa vào vị trí đỗ chuẩn bị khai thác cho đến khi kết thúc công tác phục vụ chuyên cơ, chuyên khoang;

c) Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không của tổ chức sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay có trách nhiệm kiểm soát người, đồ vật, phương tiện mang lên tàu bay trong trường hợp tàu bay chuyên cơ, chuyên khoang được bảo dưỡng, sửa chữa.

2. Trong trường hợp tàu bay chuyên cơ, chuyên khoang đỗ qua đêm, hãng hàng không có trách nhiệm niêm phong cửa tàu bay và bàn giao cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không; công tác bàn giao phải được thể hiện bằng văn bản và lưu trữ theo quy định; khu vực tàu bay đỗ phải được bảo đảm điều kiện chiếu sáng và bố trí người canh gác hoặc giám sát bằng biện pháp an ninh phù hợp nhằm ngăn chặn việc tiếp cận trái phép; các phương tiện, trang thiết bị phục vụ phải được quản lý, bố trí bảo đảm an ninh.

3. Cục Quản lý xuất nhập cảnh chỉ đạo lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không phối hợp với đơn vị thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh vệ - Bộ Công an kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với tàu bay, người, hành lý, hàng hóa của chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang.

4. Đồ vật phục vụ trên tàu bay chuyên cơ, chuyên khoang trước khi đưa lên tàu bay phải được soi chiếu an ninh hàng không và chịu sự giám sát an ninh liên tục cho tới khi đưa lên tàu bay; khi đưa xuống tàu bay đồ vật phải được kiểm tra, đối chiếu đồng nhất về số lượng, chủng loại.

5. Hãng hàng không của Việt Nam thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang phối hợp với Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Tư lệnh Cảnh vệ - Bộ Công an và tổ chức liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát an ninh phù hợp đối với tàu bay, người, hành lý, hàng hóa của chuyến bay chuyên cơ khi ở nước ngoài.

Điều 47. Bảo đảm an ninh đối với chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài đi, đến Việt Nam

1. Đối với chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài đi, đến Việt Nam, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không chịu trách nhiệm kiểm tra an ninh toàn bộ người, hành lý, hàng hóa, vật phẩm của đoàn khách chuyên cơ tại cảng hàng không; phối hợp với lực lượng an ninh của đoàn khách chuyên cơ áp tải hành lý ký gửi, hàng hóa từ nơi kiểm tra an ninh tới tàu bay chuyên cơ, trừ trường hợp được miễn kiểm tra an ninh hàng không theo quy định tại khoản 1 Điều 45 của Nghị định này.

2. Khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo thỏa thuận với cơ quan đại diện nước ngoài, đơn vị kiểm soát an ninh hàng không có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì nhiệm vụ phục vụ chuyên cơ, Bộ Tư lệnh Cảnh vệ - Bộ Công an triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh tăng cường cho chuyên cơ nước ngoài tại cảng hàng không.

Chương V

NHÀ CHỨC TRÁCH AN NINH HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Điều 48. Cơ quan thực hiện chức năng nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam

1. Cục Quản lý xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an thực hiện chức năng của nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam, là đầu mối thường trực trong quan hệ hợp tác quốc tế với ICAO, nhà chức trách hàng không nước ngoài, các tổ chức, diễn đàn khác liên quan đến an ninh hàng không để nâng cao năng lực giám sát an ninh hàng không và đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không.

2. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam sử dụng con dấu của Cục Quản lý xuất nhập cảnh; sử dụng tên giao dịch quốc tế của Cục Quản lý xuất nhập cảnh là “Viet Nam Immigration Department”.

3. Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh và Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh được giao chủ trì bảo đảm an ninh tại cảng hàng không là cơ quan thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam tại các cảng hàng không.

Điều 49. Trách nhiệm của Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam

1. Tham mưu cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chỉ thị, hướng dẫn về công tác bảo đảm an ninh hàng không trong các hoạt động hàng không dân dụng; chịu trách nhiệm xây dựng, phát triển, thực hiện và duy trì chương trình an ninh hàng không quy định tại khoản 1 Điều 97 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15.

2. Thẩm quyền của nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam:

a) Quyết định tạm dừng khai thác các chuyến bay, tạm đình chỉ các hãng hàng không khai thác chuyến bay từ nước ngoài đến Việt Nam không tuân thủ hoặc không đáp ứng tiêu chuẩn của ICAO về an ninh hàng không căn cứ kết quả đánh giá rủi ro an ninh tại các cảng hàng không nước ngoài có khai thác chuyến bay đến Việt Nam;

b) Đình chỉ hoạt động của nhân viên hàng không trong trường hợp vi phạm các quy định về bảo đảm an ninh hàng không;

c) Chỉ đạo các đơn vị ngành hàng không thực hiện các biện pháp khẩn cấp khác để phục vụ quốc phòng, an ninh, khẩn nguy quốc gia;

d) Quyết định áp dụng các biện pháp kiểm tra an ninh hàng không đối với người, hành lý của hành khách và tổ bay, hàng hóa trên chuyến bay đến căn cứ đánh giá rủi ro an ninh hàng không; quy trình kiểm tra như đối với chuyến bay xuất phát và thiết bị soi chiếu sử dụng chung với hải quan;

đ) Tổ chức bảo đảm an ninh hàng không, trật tự, an toàn xã hội đối với các địa bàn gồm cảng hàng không; trên tàu bay; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu; tổ chức thiết kế, sản xuất, thử nghiệm, bảo dưỡng tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang thiết bị tàu bay; tổ chức cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không; tổ chức xử lý hàng hóa, bưu gửi để đưa lên tàu bay;

e) Cung cấp thông tin, phát ngôn, hợp báo và thông báo cho quốc gia liên quan, ICAO về hành vi can thiệp bất hợp pháp và công tác triển khai đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng;

g) Tiếp nhận, xử lý, trao đổi và cung cấp các thông tin, tài liệu về an ninh hàng không cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động hàng không dân dụng.

h) Cấp, phê chuẩn, công nhận, gia hạn, thu hồi hoặc đình chỉ hiệu lực của giấy phép, giấy chứng nhận đào tạo, chứng chỉ năng lực, giấy phép liên quan đến an ninh hàng không;

i) Phê duyệt Chương trình an ninh hàng không quy định tại khoản 2 Điều 97 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

k) Công bố tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, hướng dẫn, tài liệu nghiệp vụ về an ninh hàng không của ICAO; rà soát, đánh giá và thực hiện thông báo về việc áp dụng các sửa đổi và cập nhật của các tiêu chuẩn trong các Phụ ước;

l) Ban hành danh mục các vật phẩm nguy hiểm cấm hoặc hạn chế mang theo người và hành lý lên tàu bay theo tiêu chuẩn của ICAO;

m) Tổ chức, vận hành hệ thống giám sát bảo đảm an ninh hàng không đáp ứng tiêu chuẩn của ICAO; chủ trì, tham mưu lãnh đạo Bộ Công an tổ chức huấn luyện đào tạo an ninh hàng không;

n) Phê duyệt, chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức, vận hành hệ thống quản lý an ninh hàng không của cơ quan, đơn vị trong ngành hàng không đáp ứng tiêu chuẩn của ICAO;

o) Tổ chức đánh giá, thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ uy hiếp an ninh hàng không;

p) Bổ nhiệm giám sát viên trong lĩnh vực bảo đảm an ninh hàng không theo tiêu chuẩn do Bộ trưởng Bộ Công an quy định.

3. Trách nhiệm trong công tác phối hợp

a) Phối hợp tham gia việc điều tra, phân tích, xác minh và đánh giá các tình huống uy hiếp an toàn hàng không, an ninh hàng không, sự cố, tai nạn hàng không;

b) Phối hợp chỉ đạo, giám sát việc xử lý, khắc phục các tình huống uy hiếp an toàn hàng không, an ninh hàng không, sự cố, tai nạn hàng không; ban hành các khuyến cáo, chỉ thị cần thiết nhằm phòng ngừa, ngăn chặn sự cố, tai nạn hàng không liên quan đến an ninh hàng không;

c) Phối hợp kiểm soát việc dừng khai thác cảng hàng không, công trình, một phần công trình tại cảng hàng không; triển khai quyết định đóng bãi cất, hạ cánh.

Điều 50. Giám sát an ninh hàng không

1. Giám sát an ninh hàng không được thực hiện bằng các hình thức sau:

a) Sử dụng hệ thống camera giám sát; hệ thống cảm biến phát hiện, cảnh báo xâm nhập hoặc sử dụng các thiết bị kỹ thuật khác;

b) Sử dụng con người để giám sát;

c) Sử dụng động vật nghiệp vụ để giám sát.

2. Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam có trách nhiệm:

a) Quản lý, sử dụng hệ thống camera giám sát an ninh hàng không, hệ thống cảm biến phát hiện, cảnh báo xâm nhập hoặc sử dụng các thiết bị kỹ thuật khác để chủ động phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm về an ninh hàng không tại cảng hàng không;

b) Hướng dẫn, chỉ đạo việc trang bị, lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh hàng không, hệ thống cảm biến phát hiện, cảnh báo xâm nhập, thiết bị kỹ thuật khác.

3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực hàng không liên quan có trách nhiệm đầu tư, trang bị hệ thống camera giám sát an ninh hàng không, hệ thống cảm biến phát hiện, cảnh báo xâm nhập trong phạm vi quản lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Điều 51. Kiểm soát chất lượng an ninh hàng không

1. Kiểm soát chất lượng an ninh hàng không là hoạt động thanh tra, kiểm tra, thử nghiệm, điều tra nhằm đánh giá việc áp dụng các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên nhằm bảo đảm việc tuân thủ các quy định của pháp luật về an ninh hàng không đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động hàng không dân dụng. Kiểm soát chất lượng an ninh hàng không được xác định dựa trên cơ sở đánh giá rủi ro về an ninh hàng không.

2. Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tổ chức đánh giá việc tuân thủ các tiêu chuẩn của ICAO về an ninh hàng không tại các cảng hàng không nước ngoài có khai thác chuyến bay đến Việt Nam; xem xét, quyết định tạm dừng khai thác các chuyến bay, tạm đình chỉ các hãng hàng không khai thác chuyến bay từ nước ngoài đến Việt Nam không tuân thủ hoặc không đáp ứng tiêu chuẩn của ICAO về an ninh hàng không;

b) Thực hiện kiểm soát chất lượng an ninh hàng không; chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không;

c) Bổ nhiệm giám sát viên an ninh hàng không để thực hiện nhiệm vụ kiểm soát chất lượng an ninh hàng không theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an;

d) Chịu sự thanh tra, kiểm tra của ICAO; chịu sự đánh giá của nhà chức trách hàng không nước ngoài về công tác bảo đảm an ninh hàng không theo tiêu chuẩn quốc tế.

3. Các tổ chức, doanh nghiệp có chương trình an ninh hàng không (trừ người khai thác cảng hàng không, tổ chức xử lý hàng hóa, bưu gửi để đưa lên tàu bay) phải thực hiện kiểm soát chất lượng an ninh hàng không trong phạm vi nội bộ tổ chức, doanh nghiệp; chịu sự kiểm soát chất lượng an ninh hàng không của Cục Quản lý xuất nhập cảnh; chịu sự đánh giá của nhà chức trách hàng không nước ngoài, tổ chức hàng không quốc tế, hãng hàng không có liên quan.

Điều 52. Giám sát viên an ninh hàng không

1. Giám sát viên an ninh hàng không là người được Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam bổ nhiệm, cấp thẻ giám sát viên an ninh hàng không để thực hiện các hoạt động kiểm soát chất lượng và các hoạt động giám sát an ninh hàng không.

2. Giám sát viên an ninh hàng không khi thực hiện nhiệm vụ có quyền tiếp cận, lên tàu bay, vào bất cứ khu vực hạn chế nào tại cảng hàng không, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không, công trình, trang thiết bị, phương tiện thuộc phạm vi nhiệm vụ; có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp giấy tờ, tài liệu hoặc đồ vật có liên quan; có quyền thu giữ giấy phép, thẻ kiểm soát an ninh hàng không có liên quan của người vi phạm; đình chỉ hoạt động của trang thiết bị, phương tiện uy hiếp an ninh hàng không; yêu cầu người có trách nhiệm thực hiện ngay các biện pháp khắc phục có thể; lập biên bản vi phạm, chuyển cho người có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Giám sát viên an ninh hàng không được đào tạo, huấn luyện theo quy định tại Chương trình huấn luyện an ninh hàng không dân dụng Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành.

Chương VI TẠO THUẬN LỢI HÀNG KHÔNG

Điều 53. Tạo thuận lợi hàng không

1. Tạo thuận lợi hàng không là hoạt động nhằm tạo điều kiện cho việc khai thác các chuyến bay quốc tế, tránh sự chậm trễ không cần thiết đối với tàu bay, tổ bay, hành khách, hành lý và hàng hóa khi thực thi các quy định của pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, kiểm dịch, hải quan và cấp phép bay.

2. Tạo thuận lợi trong hàng không dân dụng được thực hiện thông qua Chương trình quốc gia về đơn giản hóa thủ tục hàng không, được xây dựng trên các nguyên tắc cơ bản sau:

a) Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hàng không đối với tàu bay, tổ bay, hành khách, hàng hóa và hành lý; hiện đại hóa quy trình, cung cấp các dịch vụ và nâng cao chất lượng phục vụ cho hành khách;

b) Phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ hiệu quả để tăng hiệu suất trong thực hiện các thủ tục hàng không, tiết kiệm chi phí, nguồn lực, thời gian cho tổ bay, hành khách, hàng hóa và hành lý;

c) Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành giữa các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu để quản trị thông minh, hỗ trợ, tạo thuận cho doanh nghiệp, hành khách, tăng sự cạnh tranh quốc gia;

d) Hợp tác với các quốc gia thành viên của ICAO trong việc đơn giản hóa thủ tục hàng không;

đ) Thiết kế luồng đi hợp lý, biển báo rõ ràng và trang thiết bị hỗ trợ người khuyết tật.

3. Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam, Nhà chức trách an toàn Việt Nam có trách nhiệm phối hợp, tham mưu, giúp Ủy ban quốc gia về an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không ban hành các chủ trương, chính sách về tạo thuận lợi hàng không theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 54. Ủy ban quốc gia về an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không

1. Ủy ban quốc gia về an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không là tổ chức phối hợp liên ngành, có chức năng giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, phối hợp giải quyết những vấn đề quan trọng liên ngành về bảo đảm an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không. Bộ Công an là cơ quan thường trực của Ủy ban. Văn phòng thường trực của Ủy ban đặt tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

2. Ủy ban quốc gia về an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không là Ban chỉ huy khẩn nguy an ninh cấp quốc gia khi chỉ đạo đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng; định kỳ đánh giá nguy cơ uy hiếp an ninh hàng không; hoàn thiện, nâng cấp hệ thống bảo đảm an ninh hàng không; chỉ đạo, giải quyết các vướng mắc phát sinh giữa các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong công tác bảo đảm an ninh hàng không.

3. Ủy ban quốc gia về an ninh hàng không và tạo thuận lợi hàng không chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình quốc gia về đơn giản hóa thủ tục hàng không theo tiêu chuẩn và khuyến cáo thực hành trong Phụ ước 9 - Tạo thuận lợi của ICAO.

Chương VII

**DỮ LIỆU, KẾT CẤU HẠ TẦNG VÀ TRANG BỊ, THIẾT BỊ,
PHƯƠNG TIỆN BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG**

Điều 55. Yêu cầu về kết cấu hạ tầng bảo đảm an ninh hàng không của cảng hàng không

1. Hệ thống hàng rào, hệ thống cảnh báo xâm nhập, chốt gác, cổng cửa, đường tuần tra, hệ thống chiếu sáng an ninh, hệ thống camera giám sát an ninh, biển cảnh báo, vị trí tập kết khẩn nguy, vị trí đỗ biệt lập, hầm hoặc khu vực xử lý bom, mìn, vật phẩm nguy hiểm đáp ứng yêu cầu về bảo đảm an ninh hàng không và phù hợp với kết quả đánh giá rủi ro an ninh hàng không.

2. Đáp ứng các yêu cầu phục vụ việc kiểm tra, soi chiếu, lục soát, giám sát an ninh hàng không đối với người, phương tiện, đồ vật, hành lý, hàng hóa, bưu gửi và phục vụ truy xét.

3. Cảng hàng không phải được thẩm định thiết kế về các yêu cầu, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an ninh hàng không bởi cơ quan có thẩm quyền trước khi xây dựng mới, cải tạo nâng cấp.

Điều 56. Yêu cầu về trang bị, thiết bị, phương tiện bảo đảm an ninh hàng không

1. Trang bị, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ bảo đảm an ninh hàng không phải đầy đủ, phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức sử dụng và kết quả đánh giá rủi ro an ninh hàng không để thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không theo quy định.

2. Trang bị, thiết bị, phương tiện bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không phải bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất; đáp ứng các tiêu chuẩn được cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc công nhận về công nghệ và an toàn đối với sức khỏe con người. Ưu tiên mua sắm và ứng dụng các trang thiết bị, công nghệ bảo đảm an ninh hàng không là kết quả của các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước, sản phẩm công nghệ chiến lược đã được nghiệm thu, nghiên cứu, sản xuất trong nước đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật và điều ước quốc tế.

3. Đối với chuyến bay quốc tế, thiết bị soi chiếu được sử dụng chung giữa soi chiếu an ninh hàng không và soi chiếu hải quan.

4. Đơn vị quản lý sử dụng trang bị, thiết bị, phương tiện bảo đảm an ninh hàng không phải xây dựng, ban hành tài liệu khai thác, bảo dưỡng; duy trì đầy đủ tiêu chuẩn áp dụng, tính năng kỹ thuật của trang bị, thiết bị, phương tiện.

5. Hình ảnh của camera, máy soi tia X phải được quản lý, lưu giữ thích hợp phục vụ cho việc truy xét trong trường hợp cần thiết. Hồ sơ, nhật ký khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị bảo đảm an ninh hàng không phải được quản lý, lưu giữ và xuất trình khi có yêu cầu.

Điều 57. Xây dựng, quản lý, cung cấp, chia sẻ và khai thác cơ sở dữ liệu an ninh hàng không

1. Cơ sở dữ liệu an ninh hàng không là cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về hàng không dân dụng. Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu an ninh hàng không tập trung; bảo đảm hạ tầng kỹ thuật để tiếp nhận, lưu trữ và xử lý dữ liệu.

2. Cơ sở dữ liệu an ninh hàng không gồm:

- a) Thông tin định danh hành khách (dữ liệu về nhân thân, giấy tờ tùy thân), thông tin hàng hóa và thông tin chi tiết về chuyến bay;
- b) Dữ liệu về đối tượng thuộc diện kiểm tra an ninh bắt buộc hoặc cấm bay;
- c) Dữ liệu sinh trắc học đa chiều (khuôn mặt, móng mắt, vân tay);
- d) Kết quả phân tích, đánh giá rủi ro an ninh đối với từng chuyến bay và đối tượng cụ thể.

3. Việc xây dựng và vận hành hệ thống phải tuân thủ các tiêu chuẩn về an ninh, an toàn thông tin mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật.

4. Các hãng hàng không có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời dữ liệu đặt chỗ và dữ liệu hành khách cho Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam ngay sau khi hành khách thực hiện thủ tục xác nhận chuyến bay hoặc theo yêu cầu đột xuất.

5. Người khai thác cảng hàng không, cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi và đơn vị kiểm soát an ninh hàng không có trách nhiệm:

- a) Cung cấp dữ liệu về quá trình kiểm tra, giám sát an ninh đối với hành khách và hành lý tại cảng;
- b) Kết nối hệ thống camera giám sát và các thiết bị nhận diện sinh trắc học vào hệ thống chung khi có yêu cầu;
- c) Cung cấp dữ liệu thông tin về hàng hóa (trọng lượng, số kiện, loại hàng, hãng hàng không vận chuyển).

6. Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam thực hiện phân tích, đánh giá rủi ro từ dữ liệu thu thập được để:

- a) Cảnh báo sớm các nguy cơ uy hiếp an ninh hàng không;
- b) Chia sẻ thông tin chỉ dẫn nghiệp vụ cho các đơn vị kiểm soát an ninh tại hiện trường để triển khai các biện pháp ngăn chặn kịp thời.

7. Nghiêm cấm việc sử dụng dữ liệu hành khách vào các mục đích ngoài phạm vi bảo đảm an ninh hàng không và các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật.

Chương VIII PHÍ BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 58. Nguồn kinh phí bảo đảm thực thi nhiệm vụ của Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam

1. Nguồn kinh phí bảo đảm cho công tác an ninh hàng không bao gồm nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp và nguồn thu phí bảo đảm an ninh hàng không được để lại theo quy định.

2. Nguồn ngân sách nhà nước bảo đảm cho các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm chỉ của ngân sách nhà nước trong công tác an ninh hàng không theo phân cấp ngân sách, dự toán được cấp có thẩm quyền giao và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Bộ Công an quản lý, điều hòa, phân bổ nguồn kinh phí quy định tại Điều này giữa các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không theo phân cấp, dự toán được cấp có thẩm quyền giao và quy định của pháp luật.

Điều 59. Người nộp phí và tổ chức thu phí

1. Người nộp phí là tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ, được cung ứng dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không hoặc phát sinh nghĩa vụ nộp phí theo danh mục, mức thu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp khoản phí gắn với hoạt động vận chuyển bằng đường hàng không thì hãng hàng không được ủy quyền thu hộ theo quy định tại Điều 65 của Nghị định này.

2. Tổ chức thu phí là Cục Quản lý xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an và Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có cảng hàng không, sân bay được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không.

Điều 60. Miễn phí, giảm phí, bù trừ và hoàn trả tiền phí

1. Miễn phí bảo đảm an ninh hàng không đối với các trường hợp sau:

a) Chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại của Đảng và Nhà nước theo quy định của pháp luật;

b) Tái ngoại giao, tái lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

c) Trẻ em dưới 02 tuổi đi tàu bay;

d) Các trường hợp khác được miễn phí theo điều ước quốc tế hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trẻ em từ đủ 02 tuổi đến dưới 12 tuổi đi tàu bay được áp dụng mức thu bằng 50% mức thu phí đối với hành khách người lớn theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Việc bù trừ hoặc hoàn trả số tiền phí đã nộp thừa hoặc không còn thuộc đối tượng chịu phí được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật có liên quan.

Điều 61. Danh mục phí, mức thu và đồng tiền thu phí

1. Danh mục phí và mức thu phí bảo đảm an ninh hàng không được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Đồng tiền khai, thu, nộp phí thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 quy định chi tiết về Luật Phí và lệ phí.

Điều 62. Khai, thu, nộp phí, chứng từ thu và quyết toán phí

1. Người nộp phí thực hiện nộp phí theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 quy định chi tiết về Luật Phí và lệ phí.

2. Tổ chức thu phí thực hiện lập, quản lý và cấp chứng từ thu phí theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 quy định chi tiết về Luật Phí và lệ phí.

3. Khai, nộp và quyết toán phí

a) Tổ chức thu phí là Cục Quản lý xuất nhập cảnh thực hiện nộp toàn bộ số tiền phí thu được của tháng trước, bao gồm cả khoản tiền lãi phát sinh vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước chậm nhất ngày 05 hằng tháng.

Tổ chức thu phí thực hiện khai số tiền phí thu được của tháng trước theo quy định pháp luật về quản lý thuế và nộp số tiền phí còn phải nộp từ tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước vào ngân sách nhà nước chậm nhất ngày 20 hằng tháng.

Hàng năm, tổ chức thu phí thực hiện quyết toán số tiền phí thu được theo quy định pháp luật về quản lý thuế;

b) Tổ chức thu phí là cơ quan công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện khai, nộp, quyết toán phí thu được theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 quy định chi tiết về Luật Phí và lệ phí.

Điều 63. Quản lý và sử dụng phí

1. Tổ chức thu phí là Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam (Cục Quản lý xuất nhập cảnh) được để lại 85% số tiền phí thu được để chi cho các nội dung quy định tại Điều 64 của Nghị định này; nộp 15% số tiền phí còn lại vào ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức thu phí là Công an tỉnh, thành phố nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.

3. Việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng, thanh toán số phí được để lại thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành và hướng dẫn của Bộ Công an. Đối với nhiệm vụ chi chưa có định mức cụ thể, tổ chức thu phí lập dự toán, thuyết minh sự cần thiết, căn cứ tính toán, gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định trong phạm vi nguồn phí được để lại và dự toán được duyệt.

4. Hằng năm, tổ chức thu phí thực hiện quyết toán thu, chi theo quy định. Sau khi quyết toán thu, chi theo đúng chế độ, số phí được để lại chưa sử dụng hết trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng theo chế độ quy định. Trường hợp hết 05 năm chưa chi hết, tổ chức thu phí phải nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 64. Các nội dung chi từ nguồn phí bảo đảm an ninh hàng không được để lại

1. Chi nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực an ninh hàng không, gồm:

a) Chi đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng chuyên ngành an ninh hàng không; tổ chức các hoạt động diễn tập, huấn luyện nghiệp vụ chuyên sâu về đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp; tham gia các khóa đào tạo, tập huấn do ICAO hoặc nước ngoài tổ chức;

b) Thuê giám sát viên, chuyên gia, tư vấn trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý, huấn luyện, kiểm soát chất lượng an ninh hàng không.

2. Chi hoạt động hợp tác quốc tế, gồm: tham gia đàm phán, ký kết, thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về an ninh hàng không; tham gia các diễn đàn, hội nghị của ICAO và các tổ chức quốc tế khác; chi phí cho đoàn ra, đoàn vào trong khuôn khổ hợp tác quốc tế; trao đổi, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm quốc tế về an ninh hàng không.

3. Chi đầu tư phát triển, hiện đại hóa nhằm nâng cao năng lực giám sát an ninh hàng không theo tiêu chuẩn ICAO, gồm: đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ, vận hành hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, phương án, tài liệu kỹ thuật phục vụ công tác bảo đảm an ninh hàng không; đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện, trang bị, thiết bị, công cụ hỗ trợ; bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống kỹ thuật; tổ chức kiểm tra, giám sát, kiểm soát chất lượng, đánh giá tuân thủ; thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và các nhiệm vụ khác có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện hoặc phục vụ việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí trong lĩnh vực bảo đảm an ninh hàng không.

4. Chi phục vụ trực tiếp việc tổ chức thu phí, đối soát, quản trị dữ liệu, công khai chế độ thu phí, kiểm tra, giám sát, báo cáo, kiểm toán, thanh tra, kiểm tra và các nhiệm vụ quản lý khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo đảm an ninh hàng không theo quy định của pháp luật.

Điều 65. Thu hộ phí bảo đảm an ninh hàng không

1. Cục Quản lý xuất nhập cảnh ký văn bản ủy quyền cho hãng hàng không thực hiện thu hộ một số khoản phí bảo đảm an ninh hàng không gắn với quá trình bán vé, phát hành chứng từ vận chuyển và thanh toán dịch vụ. Văn bản ủy quyền phải xác định rõ phạm vi khoản thu, trách nhiệm đối soát, thời hạn chuyển tiền, chế độ báo cáo và trách nhiệm bồi hoàn khi để xảy ra thiếu hụt, chậm chuyển hoặc thu sai.

Cục Quản lý xuất nhập cảnh tiếp nhận, đối soát, tổng hợp số phí do hãng hàng không được ủy quyền thu hộ chuyển về; chủ trì tổng hợp báo cáo, khai, nộp và quyết toán phí theo quy định.

2. Hãng hàng không được ủy quyền thu hộ có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện việc thu hộ thông qua hệ thống bán vé, phát hành chứng từ vận chuyển, thanh toán dịch vụ và các đơn vị cung cấp dịch vụ theo hợp đồng với hãng;

b) Thu đúng, thu đủ mức phí theo quy định tại Nghị định này; thể hiện tách bạch khoản phí bảo đảm an ninh hàng không trên chứng từ bán vé, chứng từ vận chuyển, hóa đơn hoặc chứng từ thu khác theo quy định của pháp luật, phù hợp với phương thức bán vé, thanh toán dịch vụ vận chuyển hành khách;

c) Theo dõi, hạch toán riêng số tiền phí thu hộ trên hệ thống kế toán, hệ thống bán vé, chứng từ vận chuyển, chứng từ thanh toán và bảng kê đối soát.

3. Định kỳ chậm nhất là thứ năm hằng tuần, hãng hàng không được ủy quyền thu hộ phải chuyển toàn bộ số tiền phí đã thu hộ trong tuần trước vào tài khoản tiếp nhận tiền phí của Cục Quản lý xuất nhập cảnh. Khi chuyển tiền, hãng hàng không gửi kèm bảng kê đối soát về số lượng đối tượng thu, mức thu, số tiền phí đã thu, số tiền phí phải chuyển, số tiền thực chuyển, số tiền điều chỉnh do hoàn trả, bù trừ hoặc sai lệch (nếu có) và các thông tin khác theo văn bản ủy quyền thu hộ để Cục Quản lý xuất nhập cảnh đối soát, tổng hợp, kê khai, nộp và quyết toán phí theo quy định.

4. Cục Quản lý xuất nhập cảnh sử dụng số tiền phí được để lại theo quy định tại khoản 1 Điều 63 của Nghị định này để chi trả chi phí thu hộ cho hãng hàng không được ủy quyền thu hộ. Mức chi phí thu hộ bằng 1,5% trên số tiền phí thu hộ đã được hãng hàng không chuyển vào tài khoản tiếp nhận tiền phí của Cục Quản lý xuất nhập cảnh, để trang trải chi phí thu hộ, đối soát, quản trị

dữ liệu, thanh toán và chuyển tiền phí. Việc chi trả chi phí thu hộ thực hiện trên cơ sở văn bản ủy quyền thu hộ, kết quả đối soát, chứng từ hợp pháp và trong phạm vi dự toán hoặc phương án sử dụng số phí được để lại được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt; thực hiện hạch toán, thanh toán, quyết toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

5. Xử lý vi phạm nghĩa vụ thu, chuyển tiền phí thu hộ:

a) Trường hợp hãng hàng không chậm chuyển hoặc chuyển thiếu số tiền phí thu hộ phải chuyển theo thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này thì ngoài việc phải chuyển đủ số tiền còn thiếu, hãng hàng không còn phải nộp tiền chậm chuyển. Mức tính tiền chậm chuyển bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền phí chậm chuyển, chuyển thiếu. Thời gian tính tiền chậm chuyển được tính liên tục kể từ ngày tiếp theo ngày hết thời hạn chuyển tiền theo quy định tại khoản 3 Điều này đến ngày liền kề trước ngày hãng hàng không chuyển đủ số tiền phí còn thiếu vào tài khoản tiếp nhận tiền phí của Cục Quản lý xuất nhập cảnh;

b) Trường hợp hãng hàng không thu sai hoặc làm thất thoát số tiền phí thu hộ thì ngoài nghĩa vụ chuyển đủ số tiền còn thiếu và nộp tiền chậm chuyển (nếu có) theo điểm a khoản 5 Điều này, hãng hàng không còn phải bồi hoàn toàn bộ thiệt hại và chịu trách nhiệm theo quy định của Nghị định này, văn bản ủy quyền thu hộ và pháp luật có liên quan.

6. Hãng hàng không được ủy quyền thu hộ không được tự ý khấu trừ chi phí thu hộ, tiền chậm chuyển, tiền bồi hoàn hoặc bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác vào số tiền phí thu hộ phải chuyển cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh, trừ trường hợp hoàn trả, bù trừ phí theo quy định. Khoản tiền chậm chuyển, khoản tiền bồi hoàn và khoản tiền lãi phát sinh từ việc quản lý riêng số tiền phí thu hộ của hãng hàng không (nếu có) không được tính vào chi phí thu hộ, không thuộc số phí được để lại. Cục Quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm theo dõi, hạch toán riêng, kê khai và nộp các khoản tiền này vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Chương IX

**TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN
TRONG CÔNG TÁC BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG**

Điều 66. Bộ Công an

1. Thực hiện quản lý nhà nước về bảo đảm an ninh cho hoạt động hàng không dân dụng; ban hành theo thẩm quyền hoặc trình các cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo đảm an ninh hàng không, chương trình an ninh hàng không, kiểm soát chất lượng an ninh hàng không, huấn luyện an ninh hàng không.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan để tổ chức thực hiện hiệu quả các quy định của điều ước quốc tế về an ninh hàng không mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Chủ trì, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong ngành hàng không thực hiện công tác bảo đảm an ninh hàng không, an ninh các chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 68 của Nghị định này, cụ thể:

a) Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không; tổ chức, vận hành hệ thống giám sát, quản lý, kiểm soát chất lượng an ninh hàng không; phê duyệt, chấp thuận chương trình an ninh hàng không; tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không;

b) Thiết lập hệ thống báo cáo, thu thập thông tin, phân tích và đánh giá sự cố, nguy cơ đe dọa đến an ninh hàng không; quyết định áp dụng các biện pháp, quy trình, thủ tục phòng ngừa an ninh hàng không phù hợp với nguy cơ đe dọa;

c) Xây dựng, huấn luyện, diễn tập, tổ chức thực hiện phương án khẩn nguy an ninh hàng không, đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng;

d) Công tác báo cáo, xử lý, khắc phục, điều tra, xác minh các vụ việc vi phạm uy hiếp an ninh hàng không, sự cố an ninh hàng không; ban hành các khuyến cáo, chỉ thị cần thiết nhằm phòng ngừa, ngăn chặn sự cố an ninh hàng không;

đ) Thực hiện các biện pháp khẩn cấp bảo đảm an ninh hàng không, phục vụ an ninh, quốc phòng, khẩn nguy quốc gia.

4. Thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động bảo đảm an ninh hàng không.

5. Chủ trì thực hiện các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia, phòng, chống khủng bố liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng.

6. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị công an thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không; đánh giá rủi ro và mức độ, nguy cơ uy hiếp an ninh hàng không; quản lý, giám sát hành khách bị từ chối nhập cảnh; bảo vệ an ninh nội bộ, hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không.

7. Xây dựng phương án bảo vệ, thực hiện phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự công cộng và an toàn xã hội tại cảng hàng không và các cơ sở của ngành hàng không. Tiếp nhận, xử lý tội phạm và các vụ việc vi phạm về an ninh, trật tự liên quan đến hoạt động khai thác hàng không dân dụng theo quy định pháp luật.

8. Xây dựng và triển khai thực hiện Phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng trong phạm vi trách nhiệm. Tổ chức đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng, hướng dẫn về mặt nghiệp vụ bảo vệ an ninh quốc gia cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không; nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy của ngành hàng không dân dụng.

9. Chỉ đạo Bộ Tư lệnh Cảnh vệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện công tác bảo đảm an ninh cho chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam; giám sát việc bảo đảm an ninh cho chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài.

Điều 67. Bộ Xây dựng

1. Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành, địa phương có liên quan trong công tác bảo vệ an ninh, quốc phòng, phòng, chống khủng bố và giữ gìn trật tự an toàn xã hội cảng hàng không theo quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị ngành hàng không liên quan phối hợp với Cục Quản lý xuất nhập cảnh trong việc: thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không; đánh giá rủi ro và mức độ, nguy cơ uy hiếp an ninh hàng không; quản lý, giám sát hành khách bị từ chối nhập cảnh; bảo vệ an ninh nội bộ, hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không.

3. Quy định chi tiết về tiêu chuẩn tàu bay, nhân viên hàng không; quy trình quản lý, thực hiện, điều hành và các công tác bảo đảm cần thiết khác phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam do hãng hàng không của Việt Nam thực hiện và quy trình phục vụ chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài; thẩm định và đề nghị Bộ Tài chính quy định giá thuê tối đa tàu bay chuyên cơ, chuyên khoang chính thức (có tính đến yếu tố tàu bay dự bị) theo hình thức đặt hàng; quy định giá cụ thể đặt hàng chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang sử dụng ngân sách nhà nước trên cơ sở giá tối đa theo giờ bay cho tàu bay chính thức (có tính đến yếu tố tàu bay dự bị) do Bộ Tài chính quy định.

Điều 68. Bộ Quốc phòng

1. Chủ trì quản lý, bảo vệ vùng trời quốc gia; phòng, chống hành vi sử dụng tên lửa vác vai nhằm vào tàu bay dân dụng. Định kỳ hoặc đột xuất trao đổi, cung cấp, đánh giá thông tin về tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của bọn khủng bố, các tổ chức phản động và các loại tội phạm, âm mưu can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng cho Bộ Công an.

2. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị quân đội liên quan phối hợp với Cục Quản lý xuất nhập cảnh trong việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không; đánh giá rủi ro và mức độ, nguy cơ uy hiếp an ninh hàng không.

3. Xây dựng phương án bảo vệ, thực hiện phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự công cộng và an toàn xã hội trong khu vực Bộ Quốc phòng quản lý tại sân bay dùng chung.

4. Xây dựng và triển khai thực hiện Phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng trong phạm vi trách nhiệm. Tổ chức đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng, hướng dẫn về mặt nghiệp vụ bảo vệ quốc phòng cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không.

5. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn tàu bay, tổ bay, đơn giá thực hiện kế hoạch chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang sử dụng ngân sách nhà nước và công tác bảo đảm cần thiết khác phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang do đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện; quy định về công tác phối hợp hiệp đồng quản lý, bảo vệ các chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang hoạt động trong vùng trời Việt Nam và vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý.

6. Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh đối với chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang do đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện.

Điều 69. Bộ Tài chính

Chỉ đạo các đơn vị hải quan tại các cảng hàng không quốc tế phối hợp với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không trong quá trình kiểm tra, giám sát, kiểm soát hành lý, hàng hóa, bưu gửi để phát hiện, ngăn chặn vật phẩm nguy hiểm đưa trái phép lên tàu bay xuất cảnh và các hành vi vi phạm pháp luật khác làm ảnh hưởng tới an ninh quốc gia; triển khai thực hiện các hoạt động tạo thuận lợi hàng không.

Điều 70. Bộ Nội vụ

Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Tài chính thực hiện chế độ, chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực an ninh hàng không theo quy định tại khoản 1 Điều 64 của Nghị định này.

Điều 71. Bộ Ngoại giao

1. Chủ trì, phối hợp với hãng hàng không của Việt Nam được đặt hàng hoặc đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng được giao thực hiện chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện việc đề nghị cấp phép bay của nước ngoài qua đường ngoại giao đối với chuyến bay chuyên cơ; cấp phép bay chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài thuộc thẩm quyền.

2. Chủ trì triển khai bảo đảm các nghi lễ đón, tiễn đối tượng được phục vụ trên chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam và nước ngoài theo thẩm quyền; liên hệ với cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để đề nghị hoặc trực tiếp đề nghị Nhà chức trách nước sở tại miễn giảm phí, lệ phí cho chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam đi nước ngoài theo nguyên tắc có đi có lại.

3. Thông báo chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài bay đến, đi Việt Nam theo quy định tại khoản 4 Điều 4 của Nghị định này.

Điều 72. Ủy ban nhân dân các cấp nơi có cảng hàng không, công trình, trang bị, thiết bị phục vụ hoạt động hàng không dân dụng

1. Phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự công cộng và an toàn xã hội tại địa bàn; tiếp nhận, xử lý tội phạm và các vụ việc vi phạm về an ninh, trật tự, an toàn giao thông theo quy định pháp luật.

2. Phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan trong việc chống hành vi sử dụng tên lửa vác vai tấn công tàu bay dân dụng. Triển khai thực hiện Phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng trong phạm vi trách nhiệm.

3. Tuyên truyền, vận động nhân dân tuân thủ các quy định về bảo đảm an ninh hàng không.

Điều 73. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động hàng không dân dụng

Tổ chức, cá nhân khác tham gia hoạt động hàng không dân dụng phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về an ninh hàng không; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và cung cấp thông tin các hành vi vi phạm an ninh hàng không cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền góp phần bảo đảm an ninh hàng không và xây dựng văn hóa an ninh hàng không.

Chương X ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 74. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

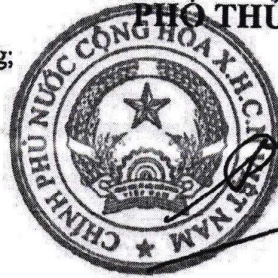
Điều 75. Điều khoản chuyển tiếp

Thẻ, giấy phép, chứng nhận an ninh hàng không, giấy chứng nhận đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, được tiếp tục sử dụng cho đến khi hết thời hạn hiệu lực ghi trên thẻ, giấy phép, chứng nhận./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b). *12*

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Phạm Gia Túc